

BÁO CÁO

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THUY ĐIỂN



MÃ HOẠT ĐỘNG: EU-15 (Hồ sơ thị trường)

“Hỗ trợ Bộ Công Thương nghiên cứu và tập hợp hồ sơ thị trường của các nước thành viên EU và nghiên cứu về một số ngành liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam”

Bản cuối cùng

Hà Nội, tháng 10/2015

*Chuyên gia soạn thảo: Lê Hải Triều
Phạm Thế Phương*

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo này, cũng như mọi sai sót và chi tiết chưa chính xác đều thuộc trách nhiệm của các tác giả và không thể hiện quan điểm của Bộ Công Thương hay quan điểm của Phái đoàn Liên minh châu Âu.

MỤC LỤC

I. Giới thiệu khái quát về Thụy Điển	4
1. Thông tin cơ bản	4
2. Điều kiện tự nhiên	4
3. Khí hậu	5
4. Xã hội	5
5. Thể chế và cơ cấu hành chính	6
6. Quân đội	Error! Bookmark not defined.
7. Lịch sử	9
8. Văn hóa	9
9. Lễ hội / Ngày nghỉ	10
II. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư	11
1. Tổng quan	11
2. Các chỉ số kinh tế thương mại, đầu tư cơ bản	12
3. Nhu cầu nhập khẩu	15
4. Đầu tư	16
5. Cơ sở hạ tầng kinh tế	18
6. Quan hệ quốc tế	18
III. Quan hệ hợp tác Việt Nam – Thụy Điển	20
1. Quan hệ ngoại giao	20
2. Quan hệ hợp tác, kinh tế - thương mại	20
4. Quan hệ đầu tư và hợp tác phát triển	Error! Bookmark not defined.
IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Thụy Điển	25
1. Các quy định về nhập khẩu	25
1.1 Giấy phép nhập khẩu	25
1.2 Hàng cấm hoặc hạn chế nhập khẩu	25
1.3 Tạm nhập	26
1.4 Thủ tục hải quan	27
2. Chính sách thuế và thuế suất	29
2.1 Thuế quan	30
2.2 Các loại thuế khác đánh vào hàng nhập khẩu	31
3. Các yêu cầu về bao gói và nhãn mác	32
4. Quy định về kiểm dịch động thực vật	33
4.1 Chứng nhận vệ sinh	33
4.2 Kiểm dịch động vật sống và sản phẩm từ động vật	33
4.3 Kiểm dịch các loại cây trồng	34
4.4 Kiểm dịch lương thực	34
5. Quyền sở hữu trí tuệ	34
6. Khu vực tự do thương mại	36
7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa dịch vụ	37
8. Thành lập doanh nghiệp	38
9. Văn hóa kinh doanh	39

9.1 Phong cách quản lý	39
9.2 Cách tiếp cận rủi ro.....	40
9.3 Đưa ra quyết định.....	40
9.4 Tính đúng hẹn	40
9.5 Tiếp xúc làm ăn.....	40
9.6 Thông lệ giao tiếp trong kinh doanh.....	40
9.7 Thông lệ xã hội:	41
V. Đánh giá tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Thụy Điển	41
VI. Một số địa chỉ hữu ích.....	42
<u>VII. Tài liệu tham khảo.....</u>	46

I. Giới thiệu khái quát về Thụy Điển

1. Thông tin cơ bản

Tên nước: Vương quốc Thụy Điển (Gọi tắt là Thụy Điển)

Vị trí địa lý: Bắc Âu, bao quanh là biển Baltic, Vịnh Bothnia, Kattegat, và Skagerrak, nằm giữa Phần Lan và Na Uy.

Diện tích: 450.295 km²

Dân số: 9.723.809 (7/2014)

Quốc khánh: Ngày 6 tháng 6

Thủ đô: Stockholm

Chênh lệch giờ: GMT+1 (muộn 6 tiếng so với giờ Hà Nội)

Giờ mùa hè: +1 giờ, từ Chủ Nhật cuối cùng của tháng 3 và kết thúc vào ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 10 hàng năm.

Ngôn ngữ chính thức: Tiếng Thụy Điển (Swedish)

Đơn vị tiền tệ: Swedish Krona (SEK)

Thể chế chính phủ: Quân chủ lập hiến

2. Điều kiện tự nhiên

Toạ độ địa lý: 62⁰ Kinh độ Bắc, 15⁰ Vĩ độ Đông

Múi giờ: Thụy Điển thuộc múi giờ GMT + 01:00.

Diện tích: Diện tích mặt đất 450,295 km², diện tích mặt nước là 39,960 km² (8,67%).

Rừng chiếm 228.000 km², hồ 39.000 km² và đất canh tác chiếm 30.000 km².

Địa hình: Phần lớn bằng phẳng hoặc đồi thấp; phía tây là vùng núi cao

Biên giới đất liền: 2.233 km

Các nước giáp biên giới: Phần Lan 545 km, Na Uy 1.666 km

Thụy Điển có vị trí chiến lược qua eo biển Đan Mạch để nối với Biển Baltic và Biển Bắc.

Đường bờ biển: 3.218 km

Tuyên bố chủ quyền trên biển:

- Vùng lãnh hải thêm lục địa: 12 nm (hải lý)

- Vùng đặc quyền kinh tế trên biển: lấy biên giới trên biển theo thỏa thuận hoặc lấy đường chia đôi diện tích mặt biển với nước láng giềng.

- Chủ quyền độ sâu thêm lục địa: 200 m hoặc tới độ sâu có thể khai thác được.

Điểm thấp nhất: vịnh của Hồ Hammarsjön, gần Kristianstad – 2,41 m

Điểm cao nhất: Kebnekaise 2.111 m

Tài nguyên thiên nhiên: quặng sắt, đồng, chì, kẽm, vàng, bạc, tungsten, uranium, thạch tín, fenspat, gỗ xây dựng, nguồn nước làm thủy điện

Sử dụng đất:

Diện tích đất có thể trồng trọt: 6,38%

Diện tích đất thực tế trồng trọt: 0,02%

Sử dụng khác: 93,6% (2012)

3. Khí hậu

Khí hậu: ôn hoà ở phía nam, mùa đông lạnh và có mây, mùa hè mát mẻ, có mây; ở phía bắc khí hậu cận bắc cực.

Khí hậu Thụy Điển chia làm 4 mùa, nhưng rất khó phân định. Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 8, nhiệt độ ban đêm thường từ 12 - 20 độ C, ban ngày khoảng 15 – 25 độ C. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 2, nhiệt độ trung bình từ -10 đến 5 độ C và tuyết thường rơi suốt mùa đông. Mùa thu và mùa xuân ngắn hơn và thường có mưa.

Thiên tai: băng trôi trên mặt nước, đặc biệt là ở Vịnh Bothnia, có thể tác động đến giao thông đường thủy.

Các vấn đề môi trường: mưa acid làm ô nhiễm đất và các hồ nước; ô nhiễm trên Biển Bắc và Biển Baltic.

4. Xã hội

Dân số: 9.723.809 người (tháng 7/2014)

Tỷ lệ tăng trưởng dân số: 0,79% (2014)

Tỷ lệ trẻ em sinh ra: 11,92 trẻ em/1.000 dân (2014)

Tỷ lệ tử: 9,45 người/1.000 dân (2014)

Tỷ lệ nhập cư: 5,46 người/1.000 dân (2014)

Cơ cấu giới tính: 0,98 nam/nữ (2013), trong đó:

Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh: 2,6/1.000 trẻ sinh ra (2014), trong đó:

nam: 2,88/1.000 trẻ sinh ra

nữ: 2,3/1.000 trẻ sinh ra (2014)

Tuổi thọ trung bình: 81,89 tuổi (2014), trong đó:

- nam: 80,03 tuổi

- nữ: 83,87 tuổi (2014)

Tỷ lệ sinh: 1,88 con/phụ nữ (2014)

Độ tuổi trung bình: 41,2 tuổi

Tuổi trung bình của nam: 40,2 tuổi

Tuổi trung bình của nữ: 42,2 tuổi (2014)

Cơ cấu độ tuổi theo tỷ lệ % (2014):

0-14 tuổi: 16,9 % (847.611 nam / 800.213 nữ)

14 – 24 tuổi: 12,3% (617.054 nam/ 582.755 nữ)

25-54 tuổi: 39,2% (1.937.091 nam/1.872.070 nữ)

55-64 tuổi: 11,7% (571.079 nam/568.093 nữ)

Trên 65 tuổi: 19,8% (882.653 nam/1.045.190 nữ) (2014)

65 tuổi trở lên: 20,5% (nam 841.211 / nữ 1.032.426)

Dân tộc: người bản xứ: Thụy Điển và Phần Lan và dân tộc thiểu số Sami; người nhập cư thế hệ đầu và người sinh ra ở nước ngoài: Phần Lan, Nam Tư, Đan Mạch, Na Uy, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ.

Quốc tịch: Người Thụy Điển (tiếng Anh: danh từ Swede; tính từ: Swedish)

Tôn giáo: Thiên chúa Lutheran 87%. Các tôn giáo khác 13% gồm: Cơ đốc giáo, đạo Do thái chính thống, giáo phái Baptist (chỉ rửa tội cho người lớn), Hồi giáo, Do thái, đạo Phật.

Ngôn ngữ: tiếng Thụy Điển, một thiểu số dân nói tiếng Sami và tiếng Phần Lan.

5.Thể chế và cơ cấu hành chính

Phân chia hành chính

21 hạt: Blekinge, Dalarnas, Gavleborgs, Gotlands, Hallands, Jamtlands, Jonkopings, Kalmar, Kronobergs, Norrbottens, Orebro, Ostergotlands, Skane, Sodermanlands, Stockholms, Uppsala, Varmlands, Vasterbottens, Vasternorrlands, Vastmanlands, Vastra Gotlands.

Hệ thống luật pháp

Hệ thống luật dân sự chịu sự ảnh hưởng của phong tục tập quán; chấp nhận luật ICJ (International court of justice – Tòa án Công lý Quốc tế) bắt buộc, nhưng có các điều khoản bảo lưu.

Bầu cử

Quốc vương do thừa kế; Thủ tướng do Quốc hội chọn qua bầu cử hợp pháp, cuộc bầu cử gần đây nhất vào 17 tháng 9 năm 2006 (lần tiếp theo vào tháng 9 năm 2010).

Cơ quan lập pháp

Quốc hội là cơ quan lập pháp cao nhất thông qua các đạo luật và các quyết định có tính chất chính sách. Hiến pháp đầu tiên được thông qua vào năm 1809 và được sửa đổi năm 1886. Năm 1971, Thụy Điển thực hiện chế độ một viện, bỏ Thượng viện, chỉ còn Hạ viện hay Quốc hội (Riksdag) với 349 ghế, nhiệm kỳ 4 năm, bỏ phiếu theo chế độ phổ thông đầu phiếu. Một đảng phải giành được tối thiểu 4% số phiếu bầu trong cả nước mới có đại diện trong Quốc hội.

Quốc hội hiện có 16 ủy ban chuyên trách, phụ trách các vấn đề liên quan đến Hiến pháp, ngân sách, tài chính, thuế khóa và các vấn đề chủ yếu khác của các cơ quan cấp Bộ. Quốc hội bỏ phiếu thông qua thành phần Chính phủ mới, bỏ phiếu bất tín nhiệm Thủ tướng/Bộ trưởng nếu có 1/3 số nghị sỹ yêu cầu.

Bộ máy hành pháp bao gồm Chính phủ trung ương và các chính quyền địa phương.

- Chính phủ: nhiệm kỳ 4 năm

Đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng. Thủ tướng là người được Chủ tịch Quốc hội đề nghị đứng ra thành lập Chính phủ mới. Thủ tướng được chỉ định tiến hành bổ nhiệm các thành viên trong chính phủ. Sau đó Quốc hội thông qua thành phần Chính phủ mới theo nguyên tắc đa số phiếu tán thành.

Chính phủ hoạt động với nhiệm kỳ 4 năm hoặc khi Thủ tướng đương nhiệm từ chức do mất tín nhiệm hoặc vì lý do cá nhân. Chính phủ có quyền đề nghị giải tán Quốc hội và

tiến hành bầu cử trước thời hạn. Song Quốc hội được bầu lại chỉ tồn tại đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Chính phủ hiện nay là Chính phủ Liên minh 4 đảng trung hữu (Ôn hòa, Tự do, Trung tâm và Dân chủ Thiên chúa giáo).

- Chính quyền địa phương gồm:

+ Chính quyền cấp tỉnh: cả nước có 21 tỉnh, đứng đầu mỗi tỉnh là một thống đốc do Chính phủ chỉ định.

+ Chính quyền cấp địa phương: 290 thành phố/quận. Cơ quan hành chính cấp thành phố/địa phương gọi là Hội đồng thành phố do dân bầu. Mỗi đảng phải đạt ít nhất 3% tổng số phiếu bầu mới có đại diện trong Hội đồng.

Cơ quan tư pháp

Hệ thống pháp luật bao gồm: Luật về tổ chức Quốc hội (sửa đổi năm 1974); Luật về tổ chức Chính phủ (sửa đổi năm 1974); Luật về kế vị ngôi Vua (sửa đổi năm 1979); Luật về tự do ngôn luận (sửa đổi năm 1983); Luật về các quyền cơ bản của con người (sửa đổi năm 1979) và Luật về nhà thờ (thông qua năm 1982).

- Hệ thống tòa án hoạt động độc lập với cơ quan lập pháp và hành pháp, được chia làm 3 cấp: trung ương, tỉnh và quận. Chánh án tòa án tối cao do Chính phủ bổ nhiệm có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các đạo luật đã được ban hành. Các quy định về xét xử chung như các hành vi phạm tội do tòa án cấp quận xét xử. Tòa án phúc thẩm xét phúc tra và cuối cùng trình lên tòa án tối cao quyết định. Các hành vi vi phạm khác về thuế, phúc lợi xã hội và các vấn đề thuộc Hội đồng cấp quận, thành phố do tòa án địa phương, tòa hành chính phúc thẩm và tòa hành chính tối cao xét xử. Các lĩnh vực đặc biệt như thị trường lao động do các tòa án chuyên ngành xét xử.

- Thanh tra Quốc hội (Ombudsman) gồm thanh tra tư pháp được Quốc hội bổ nhiệm để giám sát việc thực hiện luật pháp và các quy định khác trong khu vực dịch vụ công cộng. Chính phủ bổ nhiệm các thanh tra khác để giám sát các vấn đề như bình đẳng nam nữ, phân biệt sắc tộc và tự do báo chí.

Các đảng phái chính trị

• Liên minh Xanh đỏ

- Đảng DCXH: (112 ghế) thành lập năm 1889, tiền thân là đại diện những người lao động, là đảng chính trị lớn nhất ở Thụy Điển, nắm quyền lãnh đạo đất nước trong một thời gian dài và có những đóng góp to lớn trong việc xây dựng thành công mô hình nhà nước phúc lợi.

Sau thất bại bầu cử 2006 và 2010, đảng DCXH có nhiều nỗ lực đổi mới đảng về tổ chức, đường lối và nhân sự nhằm giành lại vai trò lãnh đạo song chưa thấy có chuyển biến rõ rệt. Chủ tịch đảng hiện nay là ông Stefan Lofven, nguyên là lãnh đạo công đoàn (từ 2/2012).

- Đảng Môi trường (Đảng Xanh): (25 ghế) thành lập năm 1981 từ phong trào phản đối năng lượng hạt nhân, bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên; hiện là đảng lớn thứ 3 trong Quốc hội. Đảng Xanh ủng hộ việc giảm dần sử dụng năng lượng hạt nhân, tăng thuế môi trường, đánh thuế cao các sản phẩm không thân thiện với môi trường, ủng hộ hợp tác ứng

phó với tác động của biến đổi khí hậu. Người phát ngôn hiện nay là bà Asa Romson và ông Gustav Fridolin (từ tháng 5/2011).

- Đảng Cánh tả: (19 ghế) thành lập năm 1917, do nhóm cánh tả của đảng DCXH tách ra. Năm 1921, đảng đổi tên là đảng Cộng sản Thụy Điển. Năm 1967 đổi thành đảng Cộng sản Cánh tả và năm 1990 đổi thành đảng Cánh tả. Khi mới thành lập, đảng lấy CN Mác-Lê nin làm nền tảng tư tưởng, dần dần theo con đường cải lương, chủ nghĩa dân túy. Đảng Cánh tả phản đối tư nhân hóa, chống việc Thụy Điển gia nhập euro. Chủ tịch đảng hiện nay là ông Jonas Sjostedt (từ tháng 1/2012).

• Liên minh cầm quyền trung hữu

- Đảng Bảo thủ (Ôn hòa): (107 ghế) thành lập năm 1904, đại diện cho quyền lợi của tầng lớp đại tư bản công nghiệp và giáo hội theo tư tưởng cực hữu, chống chủ nghĩa cộng sản, ủng hộ mạnh tư nhân hóa, thị trường tự do, giảm thuế, ủng hộ tự do cá nhân, hôn nhân đồng tính. Chủ tịch đảng hiện nay là ông Fredrik Reinfeldt (từ năm 2003).

- Đảng Tự do: (24 ghế) thành lập năm 1902, đại diện cho tầng lớp trí thức, viên chức theo khuynh hướng trung hữu, hiện là đảng lớn thứ 4 trong Quốc hội. Đảng tự do ủng hộ người nhập cư, nới lỏng các chính sách đối với người nhập cư vì lý do kinh tế, ủng hộ Thụy Điển gia nhập NATO. Chủ tịch đảng hiện nay là ông Jan Bjorklund.

- Đảng Trung tâm: (23 ghế) thành lập năm 1913, đại diện quyền lợi của tầng lớp tư bản trong nông nghiệp theo khuynh hướng trung hữu. Những năm 1970 và đầu năm 1980 là đảng lớn nhất trong các đảng cánh hữu. Đảng Trung tâm có quan điểm ủng hộ người nhập cư, chính sách viện trợ cho các nước nghèo. Chủ tịch đảng hiện là bà Annie Loof (từ năm 2011).

- Đảng Dân chủ thiên chúa giáo: (19 ghế) thành lập năm 1964, là đảng chính trị nhỏ đại diện quyền lợi cho những người theo đạo Thiên chúa, bảo vệ các ý tưởng của tôn giáo, tự do, nhân quyền; ủng hộ chăm sóc người già, giảm thuế, phản đối việc công nhận Palestine. Chủ tịch đảng hiện là ông Goran Hagglund (từ năm 2004).

* Đảng độc lập trong quốc hội, có vai trò cân bằng

- Đảng những người dân chủ Thụy Điển: (20 ghế) thành lập năm 1988 đại diện cho tầng lớp theo chủ nghĩa dân tộc cực hữu, bài ngoại; hội viên của đảng đa số là thanh niên, sinh viên có tư tưởng cực đoan trong chính sách đối với người tị nạn, chống nhập cư, tham gia EU; bảo vệ các giá trị truyền thống của xã hội Thụy Điển. Trong cuộc bầu cử năm 2010, lần đầu tiên đảng này được tham gia Quốc hội. Chủ tịch đảng hiện là ông Jimmi Akersson.

Ngoài ra còn có một số đảng nhỏ khác như Đảng Cộng sản theo đường lối Mác-xít. Chủ tịch đảng hiện là ông Anders Carlsson. Đảng Cộng sản Thụy Điển, lãnh đạo đảng hiện là ông Victor Diaz de Filippi (người gốc Chi lê).

Các tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội, các tổ chức NGOs cũng đóng vai trò quan trọng như: Tổng công đoàn Thụy Điển (LO) thành lập năm 1898, hiện có 1,5 triệu hội viên; Công đoàn giới chủ các doanh nghiệp tư nhân (KFO) thành lập năm 1902; Công đoàn “công nhân cổ trắng” (TCO), Tổ chức Bảo trợ trẻ em Thụy Điển (Save the children Sweden)...

6. Quân đội

- Các lực lượng quân đội Thụy Điển (Forsvarsmakten) gồm: Lục quân (Armen), Hải quân hoàng gia (Marinen), không quân (Svenska Flygvapnet).

- Tuổi nghĩa vụ quân sự: 18-47 tuổi. Thời gian phục vụ trong quân ngũ: 7.5 tháng (quân đội), 7-15 tháng (hải quân), 8-12 tháng (không quân); Từ tháng 07/2010 Quốc hội Thụy Điển đã bãi bỏ nghĩa vụ quân sự bắt buộc thay thế bằng sự tuyển dụng tự nguyện. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khẩn cấp thì sự bắt buộc được xem như một lựa chọn. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ ban đầu, người lính sẽ phải phục vụ trong quân ngũ đến năm 47 tuổi.

7. Lịch sử

Từng là một đất nước mạnh về quân sự trong thế kỷ 17, nhưng trong gần 2 thế kỷ qua Thụy Điển không tham gia vào một cuộc chiến tranh nào. Trong cả 2 cuộc Đại Chiến Thế Giới trong Thế kỷ 20, Thụy Điển đều giữ vai trò nước trung lập.

Trong một thời gian dài tại Thụy Điển, kinh tế tư bản chủ nghĩa kết hợp với phúc lợi xã hội cao đã từng là một mô hình kinh tế - xã hội thành công. Tuy nhiên do tình hình thất nghiệp cao trong những năm 1990s và kinh tế thế giới đi xuống trong những năm 2000-2002 mô hình kinh tế - xã hội này hiện đã phải thay đổi. Những năm gần đây, tình hình kinh tế - tài chính của Thụy Điển đã ổn định trở lại.

Thụy Điển gia nhập EU từ năm 1995, nhưng cuộc trưng cầu dân ý năm 2003 đã không cho phép đồng EURO được sử dụng trên đất Thụy Điển.

Một số mốc lịch sử:

- Năm 610: Thụy Điển trở thành quốc gia thống nhất
- Từ 1814: Thụy Điển chấm dứt chiến tranh và thực hiện chính sách trung lập trong cả 2 cuộc chiến tranh I và II đến ngày nay.
- 19/12/1946: Thụy Điển gia nhập LHQ
- 1/1/1995: Thụy Điển tham gia EU

8. Văn hóa

Văn học: Người Thụy Điển rất thích đọc sách. Hàng năm khoảng 65 triệu sách được mượn ở các thư viện công cộng. Khoảng 40% là sách dành cho trẻ em. Có khoảng 2000 thư viện công cộng và 130 thư viện di động ở Thụy Điển do các nhà chức trách địa phương quản lý. Ngoài việc cung cấp sách, thư viện thường tổ chức triển lãm, thuyết trình và các hoạt động khác.

Thư viện hoàng gia ở Stockholm là nơi ký gửi nhiều bản quyền tác giả của Thụy Điển và cũng là một thư viện lớn, cất giữ nhiều đầu sách.

Giải thưởng Nobel dành cho các nhà khoa học có đề tài nghiên cứu tiêu biểu được tổ chức vào ngày 10 tháng 12 hàng năm, là ngày sinh của Alfred Nobel người đã sáng lập ra giải Nobel.

Âm nhạc: Trong một cuộc nghiên cứu cuối thập niên 80 cho thấy, khoảng 40-60% công dân Thụy Điển tuổi từ 7-79 thích đi nghe hòa nhạc, đi rạp hát và rạp chiếu phim ít nhất 1 lần/ 1 năm. Khoảng 400.000 học sinh chơi nhạc cụ âm nhạc và 250.000 người hát trong một dàn hợp xướng.

Trong suốt những thập niên 70 và 80, chính phủ hỗ trợ cho các hoạt động âm nhạc thông qua hai tổ chức là Institute for National Concerts (INC) và The Royal Music Authority. Giữa những thập niên 80, hai tổ chức này bị xóa bỏ và thay thế bằng một tổ chức mới là National Concert Institute.

Các ban nhạc Thụy Điển nổi tiếng trong nước và thế giới là: Ace of Base, Roxette, ABBA.

9. Lễ hội / Ngày nghỉ

Ngoài thời gian nghỉ lễ của người theo đạo Tin lành, Thụy Điển cũng nghỉ lễ kỷ niệm một số ngày lễ đặc biệt như:

- Ngày 13 tháng 12: ngày lễ thánh Saint Lucia (Một vị nữ thần trẻ mặc đồ trắng với vương miện và những ngọn nến trên đầu).
- Advent: “kỳ trông đợi”, là thời gian 4 tuần trước lễ Giáng Sinh. Mỗi ngày chủ nhật trong thời gian này, một cây nến mới sẽ được thắp sáng trong một cây đèn nến đặc biệt. Điều này có nghĩa rằng vào ngày chủ nhật cuối cùng sẽ có 4 cây nến cháy và lễ Giáng Sinh sắp tới.
- Lễ Giáng sinh: 25/12
- Lễ phục sinh: sau lễ giáng sinh và đầu mùa hè, là lễ hội quan trọng trong năm.
- Lễ hội giữa hè: Ngày Trung Hạ cũng là ngày hội đêm trắng ở Thụy Điển, đêm đốt lửa hoặc pháo hoa kỷ niệm ngày đốt kho súng bắt thành (lịch sử) vào ngày 30/4.
- Ngày Quốc tế lao động: ngày 1 tháng 5 là ngày nghỉ và biểu dương ủng hộ chủ nghĩa xã hội,
- Ngày 6/6 là ngày Quốc khánh Thụy Điển.

II. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Tổng quan

Với nền kinh tế tri thức hướng tới công nghệ cao và một hệ thống phúc lợi xã hội toàn diện, Thụy Điển là một trong các quốc gia có mức sống cao nhất thế giới.

Thụy Điển có ba nguồn tài nguyên chính là rừng, quặng sắt và thủy điện.

- Cơ cấu kinh tế:

Dịch vụ (71,6% GDP) - Công nghiệp (26,7% GDP) - Nông nghiệp (1,6% GDP).

- Các ngành công nghiệp chính:

Công nghiệp chế tạo; công nghiệp hóa chất; công nghiệp khai khoáng và luyện kim; công nghiệp giấy và gỗ.

Kinh tế Thụy Điển có độ mở lớn, thương mại có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xuất khẩu chiếm hơn 50% GDP. Hàng xuất khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị điện tử, viễn thông, giấy, dược phẩm, sản phẩm dầu, sắt, thép và thực phẩm. Khu vực EU là thị trường lớn nhất (58%); tiếp đó là Na Uy (10,6%), Hoa Kỳ (6,4%), Trung Quốc (3,1%), Nga (1,4%) và Nhật (1,3%). Thụy Điển chủ yếu nhập nguyên liệu thô và phụ tùng, trong đó 68% từ EU, 9% từ Na Uy, 3,8% từ Trung Quốc, 3,8% từ Hoa Kỳ và 3,8% từ Nga.

Thụy Điển là nước sớm và đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng và sử dụng công nghệ xanh, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái sinh. Theo đánh giá của tổ chức Innovation Union Scoreboard năm 2013, Thụy Điển là nước đứng đầu về đổi mới sáng tạo. Thụy Điển cũng được đứng hàng thứ 2 thế giới về hệ thống giáo dục có chất lượng tốt. Năm 2013, mặc dù bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng nợ khu vực đồng EURO nhưng kinh tế Thụy Điển vẫn duy trì được mức tăng trưởng nhẹ (GDP đạt 1,2%), ổn định của kinh tế vĩ mô được giữ vững và an sinh xã hội được đảm bảo. Ngân hàng Trung ương Thụy Điển (Riksbanken) tiếp tục duy trì lãi suất cơ bản ở mức thấp 1%, coi đây là một giải pháp then chốt để kích thích nền kinh tế, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh, mở rộng đầu tư, phát triển các ngành nghề mới, qua đó giảm thất nghiệp và tạo công ăn việc làm (tỉ lệ thất nghiệp tháng 11/2013 là 7,5%, giảm so với cùng kỳ năm ngoái 7,9% và nằm dưới mức thất nghiệp trung bình của EU 10,9%).

Do kinh tế Thụy Điển có độ mở lớn, xuất khẩu chiếm hơn 50% GDP và hơn 50% thương mại là với EU nên khi EU vẫn còn khó khăn, xuất khẩu của Thụy Điển tiếp tục bị ảnh hưởng. Thụy Điển đang nỗ lực thúc đẩy hợp tác thương mại tại các thị trường mới nổi (Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ, Myanmar và Việt Nam), coi trọng thị trường Hoa Kỳ để bổ sung cho sự thiếu hụt của thị trường nội địa và khu vực EU.

Trong bối cảnh năm 2014 tình hình chính trị xã hội khu vực Châu Âu diễn biến hết sức phức tạp từ khủng hoảng chính trị và xung đột leo thang tại Ucraina, tình hình chính trị bất ổn giữa các Đảng phái trong nội bộ Thụy Điển, tuy nhiên tiếp nối những thành tựu và chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ cũ, dưới sự điều hành của Chính phủ mới do Thủ tướng Stefan Löfven (đại diện của Đảng Dân chủ Xã hội) đứng đầu, nền kinh tế Thụy Điển đã và đang duy trì đà phục hồi tăng trưởng từng bước với những kết quả tích cực.

2 Các chỉ số kinh tế thương mại, đầu tư cơ bản

(Theo CIA Factbook)

Tổng sản phẩm quốc nội:

GDP (ngang giá sức mua - PPP): 434,2 tỷ USD (2014)

GDP (tỷ lệ tăng trưởng thực tế): 2,1% (2014)

GDP đầu người (ngang giá sức mua): 44.700 USD (2014)

GDP – phân bổ theo ngành (2014): Nông nghiệp: 1,8%; Công nghiệp: 33,4%; Dịch vụ: 64,8% %

Lực lượng lao động: 5,124 tỷ (2012)

Lực lượng lao động theo ngành: nông nghiệp 1,8%; công nghiệp 27,3%; dịch vụ 70,9% (2012)

Tỷ lệ thất nghiệp: 7,9% (2014)

Tỷ lệ lạm phát (giá cả tiêu dùng): -0,1% (2014)

Đầu tư: 18,2% GDP (2012)

Ngân sách nhà nước (2014): - Thu: 291,4 tỷ USD
- Chi: 304 tỷ USD

Nợ quốc gia: 40,2% GDP (2014)

Các sản phẩm nông nghiệp: lúa mạch, lúa mì, củ cải đường; thịt, sữa

Các ngành công nghiệp: sắt thép, thiết bị chính xác (vòng bi, linh kiện radio và điện thoại, thiết bị quân sự), các sản phẩm gỗ, bột giấy và giấy, thực phẩm chế biến, ô tô.

Tăng trưởng công nghiệp: 2,7% (2014)

Tỷ lệ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 2,7% (2014)

Sản lượng điện: 162,9 tỷ kWh (2012)

Tiêu dùng điện: 128,1 tỷ kWh (2011)

Xuất khẩu điện: 22,68 tỷ kWh (2013)

Nhập khẩu điện: 12,67 tỷ kWh (2013)

Sản xuất dầu mỏ: 8400 bbl/day (thùng/ngày) (2013)

Tiêu thụ dầu mỏ: 298.800 thùng/ngày) (2013)

Xuất khẩu dầu mỏ: 243.200 (bbl/day) (2009)

Nhập khẩu dầu mỏ: 546.500 (bbl/day) (2009)

Nhập khẩu khí đốt: 1,086 tỷ mét khối (2013)

Cán cân tài khoản vãng lai: 32,5 tỷ USD (2010)

Dự trữ vàng và ngoại hối: 65,38 tỷ USD (31/12/2013)

Nợ nước ngoài: 1039 tỷ USD (tính đến 31/12/2012)

Viện trợ kinh tế cho nước ngoài: ODA 3,96 tỷ USD (2006)

Đầu tư nước ngoài trực tiếp tại Thụy Điển: 509,9 tỷ USD (31 tháng 12 năm 2014)

Đầu tư trực tiếp của Thụy Điển ra nước ngoài: 593,1 tỷ USD (2014)

Đồng tiền: Swedish kronor (Couron Thụy Điển - SEK)

Tỷ giá SEK đổi 01 USD: 6,759 (2014), 6,5118 (2013), 6,77 (2012), 6,4918 (2011), 7,2075 (2010)

Năm tài chính: theo năm dương lịch

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa: 184,1 tỷ USD, theo giá FOB (2014)

Mặt hàng xuất khẩu: máy móc 35%, xe ô tô, sản phẩm giấy, gỗ và bột giấy, sản phẩm sắt thép, hoá chất

Thị trường xuất khẩu chính (2011): Na Uy 10,6%, Đức 10,5%, Hà lan 7,4%, Đan Mạch 7,1%, Anh 6,9%, Phần Lan 5,6%, Hoa Kỳ 5,5%, Bỉ 5,3%, Pháp 4,8% (2013)

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: 163,8 tỷ USD, giá FOB (2014)

Mặt hàng nhập khẩu: máy móc thiết bị, dầu khí và sản phẩm dầu khí, hoá chất, xe ô tô, sắt thép, thực phẩm, vải vóc

Thị trường nhập khẩu chính: Đức 17,6%, Na Uy 8,2%, Đan Mạch 8,1%, Phần Lan 7,6%, Anh 6%, Hà Lan 5,5%, Trung Quốc 5,1%, Nga 4,6%, Pháp 4,1% (2013)

Tính đến tháng 12 năm 2013, Thụy Điển có tổng cộng 118 ngân hàng và tài chính là một trong những ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất của Thụy Điển. Bốn ngân hàng lớn nhất chiếm 75% thị phần đó là Swedbank, Handelsbanken, Nordea và SEB.

3. Nhu cầu nhập khẩu của Thụy Điển

Hàng dệt may

Người Thụy Điển đầu tư khá nhiều tiền của vào các loại quần áo mang cá tính riêng, ví dụ như quần áo thể thao chất lượng cao..., do đó Thụy Điển là một thị trường lớn và tiềm năng, tuy nhiên lại chưa được sự quan tâm của các doanh nghiệp Việt Nam.

Dệt may là ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Với trang thiết bị được đổi mới và hiện đại hóa đến 90%, nên có khả năng sản xuất được các loại sản phẩm phức tạp, chất lượng cao. Trong số các thị trường xuất khẩu hàng đầu có Hoa Kỳ, EU (trong đó có Thụy Điển) và Nhật Bản.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2013, Cơ quan Hóa chất Thụy Điển đã trình đề xuất mới lên Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) về hạn chế nonylphenol (NP) và Nonylphenol ethoxylate (NPE) trong quần áo dệt, phụ kiện vải và các mặt hàng dệt nội thất có thể giặt trong nước. Trước đó vào năm 2012, Thụy Điển cũng đã trình một đề xuất mở rộng hạn chế các chất NP và NPE cho các mặt hàng dệt và da, nhưng đề xuất đã bị Ủy ban Phân tích Kinh tế-Xã hội (SEAC) của ECHA bác bỏ do hồ sơ trình lên chưa hợp lệ. Để có thể xâm nhập thành công vào thị trường Thụy Điển hay bất kỳ thị trường EU nào khác, doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao chất lượng hàng hóa đáp ứng những yêu cầu của người tiêu dùng Thụy Điển và cạnh tranh về giá cả với các sản phẩm từ Trung Quốc và các nước ASEAN khác.

Hóa chất

Hóa chất là một ngành công nghiệp mạnh và đang ngày càng mở rộng ở Thụy Điển, chiếm 9,8% tổng sản phẩm công nghiệp nước này. Sản xuất hóa chất vô cơ của Thụy Điển cung cấp một phần đáng kể cho thị trường trong nước, bao gồm axit, clorat, amoni nitrat, hóa chất dùng trong xử lý gỗ, nhu cầu còn lại về hoá chất vô cơ và nhu cầu phần lớn các hóa chất hữu cơ được nhập khẩu từ nước ngoài. Các loại hóa chất được nhập khẩu chủ yếu từ các nước EU khác. Hoa Kỳ chiếm gần 4% thị phần nhập khẩu.

Các loại hóa chất công nghiệp được dùng chủ yếu trong công nghiệp chế biến giấy, dược phẩm, nhựa, sơn, và sơn dầu. Đây là cơ hội lớn cho các nhà xuất khẩu hóa chất hữu cơ, chất phụ gia và các loại nguyên liệu hóa chất.

Hàng nông sản

Rau quả nhập khẩu chiếm phần lớn lượng cung rau quả tại thị trường Thụy Điển, chủ yếu là các mặt hàng trong nước không sản xuất được, ví dụ các loại quả họ cam chanh và hoa quả nhiệt đới và các sản phẩm cung cấp theo thời vụ, ví dụ hầu hết các loại rau... Việc nhập khẩu các mặt hàng này tùy thuộc vào khả năng sản xuất trong nước. Thụy Điển không phải nhập khẩu khoai tây và cà rốt do đã đủ nguồn cung nội địa.

Trái cây nhập khẩu chiếm khoảng 95% lượng cung hoa quả tươi trên thị trường Thụy Điển. Chuối, các loại quả họ cam quýt, táo và lê là các mặt hàng chiếm thị phần trái cây nhập khẩu lớn nhất.

Rau nhập khẩu chiếm khoảng 60% thị trường cung cấp rau tươi ở Thụy Điển. 2 loại rau phổ biến nhất tại Thụy Điển là khoai tây và cà rốt đều được cung cấp trong nước. Các loại rau khác như hành, củ cải đường, bắp cải, tỏi tây..., nhu cầu nhập khẩu hàng năm tùy thuộc vào khả năng sản xuất trong nước. Thông thường thời vụ gieo trồng các loại rau này khoảng từ tháng 6 đến cuối tháng 8 hoặc tháng 9. Trong thời gian này sẽ rất khó để các nhà cung cấp nước ngoài cạnh tranh được với nhà sản xuất trong nước, vì vậy rau thường được nhập khẩu trong những tháng mà vụ thu hoạch trong nước đã kết thúc, ví dụ như cuối thu hoặc đầu đông.

Cà chua là mặt hàng chiếm thị phần rau nhập khẩu lớn nhất. Do tình hình khí hậu của Thụy Điển, việc trồng cà chua rất khó mang lại hiệu quả kinh tế cao, vì vậy thường được nhập khẩu quanh năm. Nhà cung cấp chủ yếu là Hà Lan, tuy nhiên khi cà chua Hà Lan chưa vào vụ, Thụy Điển thường nhập cà chua từ đảo Canary. Các lô hàng chở cà chua từ Canary được cập cảng hàng ngày từ thời điểm Giáng sinh đến Lễ phục sinh. Ngoài ra, trong suốt mùa hạ và mùa thu, cà chua nhập khẩu sẽ phải cạnh tranh với cà chua được trồng tại các nhà kính ở trong nước.

Các loại rau quả khác nhập khẩu là dưa chuột, nấm, ớt, gừng, tỏi, thì là...

Rau thường được nhập khẩu từ các nước EU: Hà Lan, Ý, Pháp và Tây Ban Nha. Ngoài ra còn có Israel (hành, lê), Argentina (hành, tỏi), Mêhicô (lê), Cộng hòa Dominica (gừng), và Trung Quốc (bí ngô).

Các loại quả nhiệt đới cũng hứa hẹn xu thế thị trường tích cực trong những năm gần đây, các nhà cung cấp đến từ các nước đang phát triển như Việt Nam đang có những cơ hội lớn về các mặt hàng như: xoài, đu đủ, dưa, vải...

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam tính đến hết tháng 4 năm 2015 đạt hơn 507 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên Thụy Điển chưa phải là thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Thị trường Thụy Điển nói riêng và EU nói chung rất khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Để nâng cao hiệu quả xuất khẩu rau quả trong thời gian tới, các chuyên gia cho rằng, trước mắt, ngành

xuất khẩu rau quả cần xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm đặc sản; đẩy mạnh việc tiếp thị, tăng diện tích các loại cây ăn quả có lợi thế và tiếp tục quy hoạch các vùng nguyên liệu ổn định phục vụ cho các nhà máy chế biến. Đồng thời, mở rộng việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để có sản phẩm sạch, có thêm nhiều rau quả trái vụ.

Thủy sản

Tiêu thụ hàng thủy sản tại thị trường Thụy Điển trung bình 150.000 tấn mỗi năm. Các cơ sở chế biến thủy sản trong nước đạt khoảng 85.000 tấn mỗi năm, trong đó 75% phục vụ thị trường trong nước, trong đó cá trích là mặt hàng quan trọng nhất. Hơn một nửa cơ sở nuôi trồng và đánh bắt thủy sản nằm ở Tây Thụy Điển. Bên cạnh đánh bắt gần bờ và xa bờ, Thụy Điển còn có rất nhiều hồ tự nhiên có khả năng cung cấp đủ sản lượng cá cho thị trường nội địa.

Mặt hàng cá nhập khẩu vào Thụy Điển chủ yếu từ Đan Mạch và Na Uy, chiếm 73% tổng sản lượng hàng nhập khẩu của Thụy Điển, điều này cho thấy tầm quan trọng của việc liên kết giữa các ngành công nghiệp thủy sản các nước thuộc bán đảo Scandinavia.

Xuất khẩu thủy sản chính của Việt Nam là tôm, cá, mực đông lạnh. Trong đó Nhật Bản là thị trường nhập khẩu nhiều hàng thủy sản Việt Nam nhất, tiếp đến là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU và một số thị trường khác như Nga và các nước Đông Âu. Thụy Điển vẫn là thị trường tiềm năng mà các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đẩy mạnh để xuất khẩu sang thị trường này.

4. Đầu tư

Thụy Điển ngày nay là một trong những nước có môi trường đầu tư tốt nhất thế giới. Điều hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài là: Sự kế thừa, các chính sách và thành quả.

Trong vòng 100 năm trở lại đây, Thụy Điển phát triển thịnh vượng nhờ xuất khẩu. Biển Baltic có một vị trí thuận lợi trong quan hệ thương mại với Đan Mạch, Đức, Ba Lan và Nga. Với định hướng thương mại, Thụy Điển có chính sách thuế nhập khẩu thấp và ủng hộ tự do thương mại trong phạm vi khối EU. Từ cuối thập niên 1980 Thụy Điển bảo vệ các khu vực kinh tế trong nước nhằm tăng khả năng cạnh tranh, nhưng cũng bãi bỏ các hiệp định phân biệt đối xử với các nhà đầu tư nước ngoài.

Là một trong những nước sớm tự do hóa thương mại, Thụy Điển đã bỏ xa nhiều nước trong việc chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang phát triển công nghiệp, nền kinh tế Thụy Điển trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhất của Châu Âu.

Đối với các nhà đầu tư, Thụy Điển đáp ứng các điều kiện về hạ tầng cơ sở tốt nhất và tạo điều kiện cho họ hội nhập vào một cộng đồng kinh tế có đặc trưng luôn luôn phát triển và đổi mới. Thương mại được Nhà nước hỗ trợ một cách có hiệu quả và với lực lượng lao động lành nghề đã thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển.

Thụy Điển có hệ thống thuế đơn giản và rõ ràng, không đánh thuế doanh nghiệp địa phương và thuế cấp phép kinh doanh như ở nhiều nước khác. Với chính sách thuế hấp dẫn và chất lượng cuộc sống cao, việc đầu tư vào Thụy Điển tức là tiếp cận với một trong những môi trường kinh doanh năng động nhất Châu Âu.

Do bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu trong năm 2008, tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của Thụy Điển ở mức -5,1% trong năm 2009. Tuy nhiên, năm 2010 nền kinh tế đã tăng trở lại một cách nhanh chóng với mức tăng trưởng 5,5%. Kể từ thời gian này, nền kinh tế Thụy Điển tăng trưởng chậm và đạt mức 1,5% vào năm 2013 và tăng dần lên 2,1% trong năm 2014 và sẽ giữ ở mức ổn định. Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 7,9% vào năm 2014 và được dự báo sẽ giảm nhẹ trong năm 2015.

5. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Viễn thông:

Số điện thoại cố định sử dụng: 4,321 triệu (2012)

Số điện thoại di động sử dụng: 11,643 triệu (2012)

Hệ thống điện thoại:

- Cơ sở hạ tầng viễn thông phát triển cao; nằm trong số các nước đứng đầu thế giới về số lượng điện thoại cố định và điện thoại di động (tính theo tỷ lệ dân số); hệ thống internet băng tần rộng phủ khắp cả nước.

- Viễn thông trong nước: hệ thống cáp viễn thông đồng trục và nhiều lõi chuyển tải hầu hết các mạng điện thoại; hệ thống sóng radio cực ngắn song song chuyển tải một số kênh điện thoại khác.

- Viễn thông quốc tế: mã code điện thoại quốc tế của Thụy Điển: 46;

Các cáp ngầm dưới biển nối tới các nước Bắc Âu và Châu Âu khác; các trạm vệ tinh mặt đất gồm 01 Intelsat (Đại Tây Dương), 01 Eutelsat và 01 Inmarsat (các khu vực thuộc Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương); Lưu ý, Thụy Điển sử dụng chung vệ tinh Inmarsat cùng với các nước Bắc Âu khác (Đan Mạch, Phần Lan, Iceland và Na Uy).

Mã code internet: .se

Internet hosts: 5.978.000 (2011)

Số người sử dụng internet: 8.398.000 (2010)

Giao thông vận tải:

- **Số sân bay:** 231 sân bay (2013)

- *Số sân bay có đường băng bê tông:* 149 (2013)

Dài trên 3047 m: 3 sân bay

Dài 2438 đến 3047 m: 12 sân bay

Dài 1524 đến 2,437 m: 74 sân bay

Dài 914 đến 1523 m: 23 sân bay

Dưới 914 m: 37 sân bay

- *Số sân bay không có đường băng bê tông:* 81 (2013)

Dài 914 đến 1523 m: 5 sân bay

dài dưới 914 m: 76 sân bay

- Số sân bay trực thăng: 2 sân bay (2013)

- **Đường ống dẫn khí đốt:** 1626 km (2013)

- **Đường sắt:** Tổng chiều dài 11.633 km (2010)

- **Đường bộ:** Tổng chiều dài 572.900 km (gồm cả 1.855 km đường cao tốc) (2010)

- **Đường thủy:** 2,052 km (2010)

- **Đội tàu biển:** 163 tàu.

*Theo loại tàu: Tàu chở hàng rời (bulk carrier) 4 cái, tàu chở hàng (cargo) 20 cái, Tàu carrier 1 cái, tàu chuyên dùng chở hóa chất (chemical tanker) 31 cái, tàu chở khách 5 cái,

tàu khách kiêm chở hàng 37 cái, tàu chở dầu 12 cái, tàu há mồm (roll on/roll off) 32 cái, tàu chở xe ô tô 21 cái.

*Chủ tàu nước ngoài: 46 cái (Đan Mạch 15 cái, Estonia 3 cái, Phần Lan 16 cái, Đức 3 cái, Ireland 1 cái, Italy 5 cái, Na Uy 3 cái).

**Tàu mang đăng ký ở nước ngoài*: 194 cái (Antigua và Barbuda 1, Bahamas 6, Barbados 6, Bermuda 17, Cook Islands 3, Cyprus 5, Denmark 16, Faroe Islands 5, France 6, Germany 1, Gibraltar 12, Isle of Man 1, Italy 1, Liberia 10, Malta 3, Netherlands 18, Netherlands Antilles 1, Norway 33, Panama 1, Portugal 6, St Vincent and the Grenadines 2, Singapore 9, UK 25, US 5) (2010).

- **Cảng biển**: Brofjorden, Goteborg, Helsingborg, Lulea, Malmo, Stenungsund, Stockholm, Trelleborg, Visby.

Các cảng chính ở Stockholm, Gothenburg và Malmo có số lượng hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu ngày càng tăng cao. Cảng Gothenburg tiếp tục đứng đầu danh sách 25 cảng bận rộn nhất, chiếm 22% tổng số lượng, tương đương 9 triệu tấn. Cảng Stockholm đứng thứ 9, với 1 triệu tấn.

- **Giao thông quốc tế**

Sân bay quốc tế chính là Arlanda, ở phía bắc của Stockholm cách nửa giờ đi xe bus. Có các chuyến bay hàng ngày đến và đi từ hầu hết các thủ đô ở châu Âu. Hầu hết các chuyến bay từ Bắc Mỹ và các trung tâm của châu Á đều bay qua Copenhagen, sau đó đổi chuyến. Phí sân bay đã bao gồm trong giá vé.

Xe bus và tàu hỏa nối với các chuyến xe bus đường dài có dịch vụ đến và đi từ Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Đức, Ba Lan, Estonia và Anh. Các cửa khẩu của Thụy Điển gồm Gothenburg, Helsingborg, Malmo và Stockholm, mặc dù các chuyến xe bus đường dài từ tây bắc Phần Lan đi thẳng đến Umeå và Skellefteå ở phía bắc Thụy Điển và các dịch vụ đi đến Đức đi từ Trelleborg.

- **Giao thông nội địa**

Có các chuyến bay nội địa hàng ngày đi dọc đất nước, tuy nhiên hệ thống xe bus và tàu hỏa của Thụy Điển lại thuận tiện hơn so với máy bay.

Tàu hỏa là phương tiện giao thông chủ yếu của Thụy Điển ở ngoài các thành phố, đi đến các trung tâm nhanh hơn xe bus. Xe bus thường được chọn khi không có tàu. Hệ thống đường của Thụy Điển có chất lượng cao, chỉ bị ảnh hưởng nếu có nạn sừng tằm, tuần lộc và nạn anket vào sáng sớm và chiều tối.

Bạn cần có bằng lái xe được công nhận là có thể lái xe ở Thụy Điển: không cần có bằng lái xe quốc tế khi thuê xe. Phụ nữ có thể được chiết khấu (tjejtaxa) ở Stockholm nếu đi taxi vào buổi tối.

Xe đạp không được đi vào phần đường dành cho xe cơ giới nhưng các tuyến đường dành riêng cho xe đạp dài, thiết kế đặc biệt và nhiều cảnh đẹp.

Thuyền đi tới các quần đảo quanh Stockholm và Gothenburg, và tàu hơi nước trên các hồ như Vättern, Siljan và Torneträsk ở Lapland có các chuyến vào mùa hè và thuận tiện nếu bạn đi xe đạp hoặc đi bộ. Tụ chèo thuyền có thể rất nguy hiểm, do có những thay đổi bất thường về mực nước. Ngoài ra cũng có những khó khăn do các kênh đào đi chệch hướng.

6. Quan hệ quốc tế

Trong gần 2 thế kỷ qua nguyên tắc chỉ đạo trong chính sách đối ngoại của Thụy Điển là không tham gia bất cứ liên minh nào trong thời gian hòa bình nhằm giữ được sự trung lập trong trường hợp có chiến tranh.

Tuy nhiên, Thụy Điển đã tái xác định lại vị trí này trong những năm gần đây. Trong Bản tuyên bố chính sách đối ngoại năm 2010, Chính phủ Thụy Điển tuyên bố rằng với tư cách là thành viên của Liên minh Châu Âu có nghĩa là Thụy Điển sẽ là một phần của liên minh chính trị và Thụy Điển chấp nhận sự chia sẻ trách nhiệm với sự an ninh của Châu Âu. Tuyên bố này lặp lại tuyên bố năm 2007 rằng Thụy Điển sẽ không bị động nếu các quốc gia Châu Âu hoặc Bắc Âu gánh chịu các thảm họa hoặc bị tấn công và Thụy Điển cũng mong muốn các nước này thực hiện đúng như vậy.

Trên trường quốc tế, Thụy Điển bày tỏ sự quan tâm đặc biệt tới sự giảm trừ quân bị, kiểm soát vũ khí và sự hạn chế các vũ khí hạt nhân. Thụy Điển đã có những đóng góp lớn tới rất nhiều các hoạt động giữ gìn hoà bình thế giới dưới sự bảo trợ của NATO, EU và UN.

Thụy Điển là một thành viên tích cực và có tiếng nói của Liên Hợp Quốc. Ngân hàng Thế giới, WTO, FAO, ILO, IAEA, UNESCO, WHO và các tổ chức quốc tế khác. Thụy Điển đã có những sửa đổi hiến pháp sâu rộng nhất kể từ 1974 đến nay nhằm tạo thêm cơ sở pháp lý cho nhất thể hóa trong EU. Thực tế, trong năm qua Thụy Điển tiếp tục ưu tiên quan hệ hợp tác toàn diện với EU và Hoa Kỳ, tăng cường tham gia các hoạt động quân sự theo hướng liên kết ngày càng mạnh hơn với NATO (dù chưa là thành viên chính thức), tái khẳng định cam kết quốc phòng ở Á-p-ga-nít-xờ-tan đến năm 2014 và duy trì hỗ trợ các mặt cho chính quyền thân Hoa Kỳ và phương Tây ở Irắc. Bên cạnh đó, Thụy Điển tiếp tục quan tâm thúc đẩy quá trình dân chủ hóa và hợp tác với các nước Ban-tíc, đồng thời có cố gắng điều chỉnh, cải thiện quan hệ với Nga. Ở Châu Á, Thụy Điển tập trung tăng cường hợp tác với Trung Quốc và phần nào là Hàn Quốc và Nhật Bản.

Về chính sách đối ngoại, Thụy Điển đã có những sửa đổi hiến pháp sâu rộng nhất kể từ 1974 đến nay nhằm tạo thêm cơ sở pháp lý cho nhất thể hóa trong EU. Thực tế, trong thời gian qua Thụy Điển tiếp tục đẩy mạnh hợp tác khu vực Bắc Âu, ưu tiên quan hệ hợp tác toàn diện với EU và Hoa Kỳ, tăng cường tham gia các hoạt động quân sự theo hướng liên kết ngày càng mạnh hơn với NATO (dù chưa là thành viên chính thức), tái khẳng định cam kết quốc phòng ở Á-p-ga-nít-xờ-tan đến năm 2014 và duy trì hỗ trợ các mặt cho chính quyền thân Hoa Kỳ và phương Tây ở Irắc.

Về chính sách an ninh, Thụy Điển tiếp tục nhấn mạnh sự chủ động và liên kết với các nước Bắc Âu và EU. Thụy Điển sẽ không thụ động nếu một nước thành viên EU hoặc Bắc Âu gặp thảm họa hoặc bị tấn công, đồng thời mong muốn các nước này có hành

động tương tự đối với Thụy Điển. Bên cạnh đó, Thụy Điển tiếp tục quan tâm thúc đẩy quá trình dân chủ hóa và hợp tác với các nước Ban-tíc, đồng thời có cố gắng điều chỉnh, cải thiện quan hệ với Nga. Ở Châu Á, Thụy Điển tập trung tăng cường hợp tác với Trung Quốc và phần nào là Hàn Quốc và Nhật Bản.

Tham gia các tổ chức quốc tế: AfDB, AsDB, Nhóm Australia, BIS, CBSS, CE, CERN, EAPC, EBRD, EIB, ESA, EU, FAO, G- 6, G- 9, G-10, IADB, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICCT, ICFTU, ICRM, IDA, IEA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, ISO, ITU, MIGA, MONUC, NAM (khách mời), NC, NEA, NIB, NSG, OAS (quan sát viên), OECD, OPCW, OSCE, Paris Club, PCA, PFP, UN, UNAMSIL, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNITAR, UNMEE, UNMIK, UNMIL, UNMISSET, UNMOGIP, UNOMIG, UNTSO, UPU, WCO, WEU (quan sát viên), WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO, ZC.

Chính sách hợp tác phát triển

Mục tiêu chính của các dự án hợp tác phát triển Thụy Điển là nhằm cải thiện cuộc sống của con người, do vậy nhiều dự án hợp tác phát triển tập trung vào xóa đói giảm nghèo và cải thiện dân chủ, nhân quyền trên thế giới. Thụy Điển lựa chọn đối tác ưu tiên nhận viện trợ trên cơ sở đánh giá những ưu tiên và chính sách của các nước. Tuy nhiên Chính phủ Thụy Điển nhấn mạnh tự do dân chủ, nhân quyền, minh bạch và chống tham nhũng là những tiêu chí quan trọng để xác định cung cấp viện trợ phát triển.

Ba nội dung được ưu tiên trong hợp tác phát triển là: (1) Dân chủ và nhân quyền; (2) Bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong công cuộc phát triển; (3) Khí hậu và môi trường. Hiện các đối tác ưu tiên trong HTPT của Thụy Điển là khu vực Châu Phi; châu Á có hai nước là Cam-pu-chia và Băng-la-đét.

III. Quan hệ hợp tác Việt Nam – Thụy Điển

1. Quan hệ ngoại giao

Tháng 06/1970 Thụy Điển lập Đại sứ quán tại Hà Nội và tháng 07/1970 Việt Nam lập Đại sứ quán tại Stockholm. 04/09/1982 Đảng ta chính thức quyết định đặt quan hệ với Đảng XHDC Thụy Điển. Tháng 12/2010: Chính phủ Thụy Điển vì lý do cắt giảm mạnh ngân sách, đã quyết định đóng cửa 5 đại sứ quán Thụy Điển trên thế giới, trong đó có Đại sứ quán Thụy Điển tại Hà Nội. Thụy Điển sẽ chính thức đóng cửa Đại sứ quán vào tháng 12/2011.

Thụy Điển là nước phương Tây viện trợ sớm nhất, liên tục và với số lượng lớn cho Việt Nam. Tính đến nay, tổng số tiền viện trợ của Thụy Điển cho Việt Nam dưới mọi hình thức lên tới gần 2,6 tỷ USD với nhiều công trình lớn, có ý nghĩa kinh tế-xã hội cao (Nhà máy Giấy Bãi Bằng, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện đa khoa Uông Bí...). Thụy Điển cũng tích cực hỗ trợ cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong các lĩnh vực cải cách kinh tế, hành chính, luật pháp và xoá đói giảm nghèo.

Năm 2014, Việt Nam – Thụy Điển kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Thụy Điển đã đặt nền móng vững chắc cho một tình bạn lâu dài và một quan hệ đối tác tin cậy trong nhiều lĩnh vực đem lại lợi ích cho cả hai quốc gia và hai dân tộc.

Đại sứ Thụy Điển tại Việt Nam khẳng định, Thụy Điển có thể tiếp tục đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam với việc gia tăng thương mại, trao đổi các giải pháp kinh doanh và thúc đẩy chuyển giao công nghệ (lĩnh vực về y tế, công nghệ xanh, công nghệ thông tin truyền thôn, giao thông vận tải, những ngành tăng trưởng xanh và phát triển bền vững).

Các hoạt động nhằm kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao được diễn ra trong suốt cả năm 2014. Trong quý I/2014, Lãnh đạo Bộ ngoại giao Thụy Điển có chuyến thăm chính thức Việt Nam. Ngoài ra, trong suốt năm 2014, Đại sứ quán Thụy Điển phối hợp cùng các Bộ, ban, ngành và nhiều đơn vị tổ chức hàng loạt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, hội thảo như: hòa nhạc, phát động các cuộc thi thiết kế, triển lãm ảnh, tuần lễ phim, hoạt động văn học, lễ hội ẩm thực, hoạt động thể thao, các cơ hội nghiên cứu, học tập tại Thụy Điển... Đây là dịp quảng bá giúp nhân dân hai nước hiểu hơn về lịch sử, đất nước và con người Việt Nam - Thụy Điển.

2. Quan hệ hợp tác, kinh tế - thương mại

Thương mại

Thụy Điển cũng là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam với kim ngạch xuất nhập khẩu song phương đạt hơn 1 tỷ USD trong năm 2014, trong đó Việt Nam xuất siêu là chính. Mặc dù Thụy Điển từ năm 2013 đã ngừng viện trợ ODA, nhưng Việt Nam vẫn tiếp tục vận động Thụy Điển hỗ trợ thông qua các kênh đa phương và các tổ chức tài chính quốc tế. Cùng với sự phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, quan hệ thương mại 2 nước

cũng ngày càng tăng lên. Kim ngạch xuất, nhập khẩu cụ thể giữa 2 nước trong những năm gần đây như sau:

**Quan hệ thương mại hai chiều của Việt Nam – Thụy Điển
giai đoạn 2011 - 2014**

Dvt: triệu USD

Năm	2011	2012	2013	2014
Xuất khẩu	427,36	673,70	907,12	961,88
Nhập khẩu	258,17	241,17	226,90	257,14

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Các sản phẩm xuất khẩu chính của Thụy Điển sang Việt Nam là máy móc và phụ tùng cho ngành công nghiệp và viễn thông. Các sản phẩm nhập khẩu chính của Thụy Điển từ Việt Nam là nông sản, giày dép, dệt may và đồ gỗ.

**Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Thụy Điển
năm 2014 và 4 tháng đầu năm 2015**

STT	Mặt hàng chủ yếu	Trị giá (USD)	
		2014	4 tháng 2015
1	Hàng thủy sản	18.890.731	6.082.832
2	Sản phẩm từ chất dẻo	26.012.496	8.814.678
3	Cao su	3.256.723	660.490
4	Túi xách, ví, vali, mũ, ô dù	17.364.751	4.982.335
5	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	4.817.126	1.599.541
6	Gỗ và sản phẩm gỗ	22.344.242	10.886.906
7	Hàng dệt, may	77.432.853	20.509.186
8	Giày dép các loại	41.299.506	13.183.843
9	Sản phẩm gốm, sứ	2.057.451	924.004
10	Sản phẩm từ sắt thép	12.112.083	4.470.200
11	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	109.655.151	31.975.960
12	Điện thoại các loại và linh kiện	518.060.014	168.595.780
13	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác	18.628.028	3.994.915

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

**Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Thụy Điển
năm 2014 và 4 tháng đầu năm 2015**

STT	Mặt hàng chủ yếu	Trị giá (USD)	
		2014	4 tháng 2015
1	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	10.161.874	2.257.032
2	Sản phẩm hóa chất	11.841.908	3.528.636
3	Dược phẩm	28.164.200	11.160.942
4	Chất dẻo nguyên liệu	3.720.003	899.712
5	Sản phẩm từ chất dẻo	2.360.510	942.150

6	Gỗ và sản phẩm gỗ	13.123.767	3.860.814
7	Giấy các loại	6.716.417	3.185.172
8	Sắt thép các loại	8.081.290	424.033
9	Sản phẩm từ sắt thép	308.219	1.949.826
10	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	6.117.921	1.294.171
11	Điện thoại các loại và linh kiện	4.478.121	1.105.079
12	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác	136.189.032	30.141.023

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Thụy Điển chủ yếu các mặt hàng như dệt may, giày dép, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, đồ gốm và nhập từ Thụy Điển các mặt hàng như nguyên liệu thô, hoá chất, bột giấy, vải sợi, chất dẻo nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng.

Thụy Điển là thị trường khó tính, song có nhiều tiềm năng đối với nhiều mặt hàng của Việt Nam như hải sản, gạo, hạt tiêu, rau quả, nguyên liệu thô, sản phẩm da, cao su, đồ du lịch, xe đạp... Trong những năm qua, doanh nghiệp hai bên đã có nhiều hoạt động đẩy mạnh xúc tiến thương mại thông qua tham quan, khảo sát, nghiên cứu tiếp cận thị trường, tham dự hội chợ, mở trung tâm giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường để doanh nghiệp hai nước nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của nhau. Với tiềm năng lớn chưa được khai thác và nỗ lực của cả hai bên, quan hệ thương mại hai nước trong những năm tới sẽ có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Đầu tư

Thụy Điển đầu tư vào Việt Nam chủ yếu theo hình thức 100% vốn nước ngoài, nhiều nhất vào lĩnh vực dịch vụ. Ngành Nông lâm ngư nghiệp hiện chưa được các nhà đầu tư Thụy Điển quan tâm. Thụy Điển có dự án tại 6 địa phương tập trung vốn đầu tư vào các địa phương có cơ sở hạ tầng tương đối tốt. Đứng đầu về vốn đầu tư đăng ký là Hà Nội, Long An, Bình Dương, Vĩnh Phúc, T.P Hồ Chí Minh... Nhiều tập đoàn kinh tế lớn của Thụy Điển sớm có mặt tại Việt Nam như Ericsson, ABB, IKEA, Electrolux...

Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2014, Thụy Điển đứng ở vị trí thứ 47 trong tổng số 101 nước/vùng lãnh thổ hiện có dự án đầu tư FDI tại Việt Nam với 39 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đầu tư đăng ký xấp xỉ 70 triệu USD. Các lĩnh vực đầu tư bao gồm: thiết bị hàng hải; thiết bị công nghiệp nặng, cơ khí; dược phẩm và thiết bị y tế; viễn thông; công nghiệp hàng dệt may và đồ nội thất; công nghiệp giấy; dịch vụ kiến trúc và xây dựng; và dịch vụ thương mại, phân phối.

Hợp tác phát triển

Thụy Điển là nước Tây Bắc Âu viện trợ không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam (bắt đầu từ 1967), tổng viện trợ trên 3 tỷ USD, tập trung vào các lĩnh vực: y tế, cải cách kinh tế, xây dựng thể chế, cải cách hành chính, luật pháp, phát triển nguồn nhân lực, môi trường và biến đổi khí hậu, chống tham nhũng, nhà nước pháp quyền...

- Từ 1970-1990, quan hệ hợp tác kinh tế giữa 2 nước chủ yếu là dưới hình thức Thụy Điển viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam để làm một số công trình như Nhà máy Giấy

Bãi Bằng (Phú Thọ) với công suất 55.000 tấn/năm, xây dựng Bệnh viện Nhi Thụy Điển (ở Hà Nội), Bệnh viện đa khoa Ung Bí, phục hồi một số cơ sở công nghiệp (Nhà máy Điện Thủ Đức, Giấy Tân Mai, Diêm Thống Nhất, cải tạo lưới điện Hà Nội ...) và hỗ trợ nhập khẩu. Ngoài ra, Thụy Điển đã giúp ta đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật thuộc nhiều ngành khác nhau.

- Từ 1990 – 2007: viện trợ của Thụy Điển cho Việt Nam được tập trung cho các chương trình và dự án hợp tác về y tế, năng lượng, lâm nghiệp -phát triển nông thôn miền núi 5 tỉnh phía Bắc (Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang), văn hóa, giáo dục, đào tạo cán bộ KHKT, xoá đói giảm nghèo.... Cho đến nay 2 nước đã ký kết các Hiệp định khung về thủ tục và điều khoản chung về hợp tác phát triển, khuyến khích và bảo hộ đầu tư, tránh đánh thuế trùng và các Hiệp định hợp tác chuyên ngành trong các lĩnh vực y tế, văn hoá, giáo dục, năng lượng, hỗ trợ cải cách kinh tế, hành chính, luật pháp.

- Năm 2009-2013: Tháng 11/2009, hai bên đã ký kết Hiệp định mới về Hợp tác phát triển giữa hai nước giai đoạn 2009-2011 để làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các dự án cụ thể trong Chiến lược quốc gia của Thụy Điển về hợp tác phát triển với Việt Nam giai đoạn 2009-2013, với tổng viện trợ khoảng 70 triệu USD, theo hướng giảm dần, tập trung vào 6 lĩnh vực: Môi trường và biến đổi khí hậu; Cải cách hành chính công và chống tham nhũng; Dân chủ nhân quyền, nhà nước pháp quyền, văn hóa và truyền thông; y tế; phát triển doanh nghiệp nhỏ; nghiên cứu khoa học.

Tại Hội nghị CG tháng 12/2010, Thụy Điển đã cam kết cung cấp ODA cho Việt Nam trị giá 18,03 triệu USD (giảm 12,56% so với năm 2010).

Tại Hội nghị CG tháng 12/2012, Thụy Điển cam kết dành 11,295 triệu USD cho Việt Nam. (Năm 2011 Thụy Điển không cam kết cung cấp ODA cho Việt Nam). Sau năm 2013, Thụy Điển chấm dứt cung cấp viện trợ phát triển song phương cho Việt Nam, quan hệ hợp tác phát triển giữa hai nước chuyển sang quan hệ hợp tác đối tác bình đẳng trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Tuy nhiên, Thụy Điển sẽ vẫn tiếp tục viện trợ thông qua các tổ chức đa phương như LHQ, WB... để hỗ trợ Việt Nam thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ ứng phó với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới...

Các hiệp định đã ký kết giữa hai nước Việt Nam và Thụy Điển

- Hiệp định về nguyên tắc và thủ tục chung cho sự hợp tác Việt Nam-Thụy Điển
 - Giai đoạn I : 31/5/85-1/7/1990
 - Giai đoạn II : 1/7/90-30/6/1995
 - Giai đoạn III : 6/95-31/12/2000
 - Giai đoạn IV: 1/2004-12/2006
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư: 8/9/1993
- Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần và ngăn ngừa trốn lậu thuế: 24/3/1994
- Hiệp định hợp tác vận chuyển hàng không: 25/9/1997
- Hiệp định hợp tác, hỗ trợ văn hoá:
 - Giai đoạn I: 1993-1995
 - Giai đoạn II: 1996-1998

- Hiệp định về hợp tác phát triển Việt Nam - Thụy Điển giai đoạn từ 1999-2001, theo đó Thụy Điển sẽ viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 510 triệu SEK (khoảng 60 triệu USD): ký 11/1/1999.
- Hiệp định khung về hợp tác phát triển 2004-2006
- Hiệp định Hợp tác con nuôi
- Hiệp định Hợp tác Khoa học Kỹ thuật 2004-2007
- Hiệp định hợp tác văn hóa
- Hiệp định nhận trở lại công dân (2008)
- Hiệp định phòng chống tội phạm (2/2013)

IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Thụy Điển

1. Các quy định về nhập khẩu

1.1. Giấy phép nhập khẩu

Sau khi Thụy Điển gia nhập Liên minh Châu Âu vào ngày 1 tháng 1 năm 1995, rất nhiều hàng hóa nhập khẩu vào Thụy Điển yêu cầu bắt buộc phải có giấy phép. Đặc biệt là hàng dệt may và quần áo nhập khẩu từ các nước đang phát triển, sắt thép nhập khẩu từ hầu hết các nước Tây Âu, thực phẩm, động vật sống và một số hàng tiêu dùng đến từ Trung Quốc. Có gần 60.000 giấy phép nhập khẩu (hầu hết là cho các sản phẩm dệt may) được cấp mỗi năm. Giấy phép có giá trị trong một giai đoạn nhất định và đòi hỏi cả quyền lợi và nghĩa vụ để đảm bảo rằng số lượng hàng nêu ra được nhập khẩu trong thời hạn của giấy phép.

Để có giấy phép nhập khẩu, người xin cấp giấy phép nhập khẩu phải cung cấp giấy bảo lãnh kèm với đơn đề nghị. Giấy bảo lãnh sẽ được hoàn trả cho người xin cấp giấy phép nhập khẩu khi các yêu cầu của giấy phép đã được hoàn thành.

Cần phải liên hệ với cơ quan cấp giấy phép trước khi tiến hành hoạt động nhập khẩu.

Thông tin đăng ký cấp phép được gửi hàng ngày cho Ủy ban Châu Âu tại Brussels (Bi phê duyệt). Riêng hàng công nghiệp sẽ do Ban Quản lý Thương mại Quốc gia Thụy Điển cấp giấy phép.

Trước khi nhập khẩu, nhà nhập khẩu nên tìm hiểu các quy định áp dụng đối với mặt hàng của mình. Để nhập một số loại hàng sau đây, nhà nhập khẩu bắt buộc phải nộp giấy phép nhập khẩu:

- Hàng thực phẩm (đòi hỏi phải có giấy phép nhập khẩu do Ban quản lý Lương thực Quốc gia ban hành. Sự phân phối và cấp giấy phép nhập khẩu các sản phẩm lương thực do Ban quản lý Lương thực Quốc gia điều phối).
- Hàng dệt may
- Các loại vũ khí
- Bơm, kim tiêm
- Các loại động vật và cây trồng đang có nguy cơ tuyệt chủng
- Rượu và các loại đồ uống có cồn khác
- Nông sản: Hầu hết các sản phẩm nông nghiệp cần phải có giấy phép nhập khẩu. Riêng đối với các loại động vật, cây trồng, và các sản phẩm thuộc danh mục các loài được bảo vệ theo Công ước Washington (CITES), nhìn chung cần phải có cả giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, và giấy phép của Bộ Nông nghiệp Thụy Điển
- Thuốc, chất dược phẩm và chất pha chế, ống tiêm, ống thông dò, thuốc mê, thuốc tránh thai đều phải có giấy phép nhập khẩu do Ủy ban Quốc gia về Y tế và Phúc lợi cấp. Tài liệu tham khảo chính thức là Dược thư Thụy Điển.

1.2. Hàng cấm nhập khẩu hoặc hạn chế nhập khẩu

Hàng cấm nhập khẩu

- Cá ngừ đỏ từ Belize, Panama và Honduras

- Đồ chơi chứa đồng sunfat.
- Các loại sợi amiăng
- L-Tryptophane và các mặt hàng có chứa thành phần L- Tryptophane
- Các loại tẩy cao su có hình dạng hấp dẫn như thực phẩm, dễ gây nhầm lẫn với đồ ăn được.
- Các loại nhiệt kế y tế có chứa thủy ngân
- Các sản phẩm đã được sơ chế trên bề mặt bằng chất catmi hoặc là có chứa chất catmi
- Thi hài, hài cốt, các bộ phận cơ thể người, phôi người và động vật.
- Các loại thực phẩm dễ hỏng và các loại thực phẩm và đồ uống cần giữ lạnh hoặc các điều kiện bảo quản nhất định.
- Các sản phẩm ngũ cốc và bánh mì có chứa bromat kali
- Catmi và các sản phẩm có chứa catmi.

Việc vận chuyển cần sa, thuốc lá Hasit và các chất gây nghiện khác vào Thụy Điển sẽ phải chịu những hình phạt như: ngồi tù, tử hình hoặc trục xuất.

Các loại hàng hoá nằm trong danh mục hàng cấm nhập khẩu sẽ không được lưu kho tại bất cứ kho chứa/ kho hải quan, khu vực lưu kho nào, mà chúng sẽ bị trả lại.

Hàng hạn chế nhập khẩu

Đối với một số hàng hoá nhất định như vũ khí, chất gây nổ, và chất độc hại chỉ các cá nhân và tổ chức có thẩm quyền mới có quyền nhập khẩu, và yêu cầu phải có giấy phép nhập khẩu hoặc sự cho phép đặc biệt. Các chất pha chế vi khuẩn học nhất định chỉ có thể được nhập khẩu bởi Phòng thí nghiệm Vi khuẩn Quốc gia. Thực phẩm có bổ sung Vitamin yêu cầu phải có sự phê chuẩn của Bộ Thương mại Thụy Điển.

Ngoài ra, ở Thụy Điển, rượu thường bị đánh thuế rất nặng và chỉ được bán ở những cửa hàng đặc biệt, những cửa hàng này đóng cửa vào các ngày chủ nhật. Nếu bạn muốn mang rượu và thuốc lá đến Thụy Điển, cần lưu ý rằng bạn không mang quá số lượng hải quan quy định.

1.3. Tạm nhập

Hàng hoá có thể được miễn nộp thuế nhập khẩu và/ hoặc thuế giá trị gia tăng khi được nhập khẩu trong thời gian ngắn vào lãnh thổ Châu Âu, và sau đó sẽ được tái xuất.

Thụy Điển tôn trọng *ATA Carnet*, đây là một văn kiện hải quan quốc tế được lập nhằm đơn giản hoá các thủ tục hải quan đối với các thương nhân và chuyên gia mang theo:

- Các mẫu thương phẩm,
- Tư liệu quảng cáo hay triển lãm,
- Phim,
- Thiết bị y tế hay thiết bị chuyên dụng
- Các loại máy móc hay thiết bị thay thế trong thời hạn sửa chữa bảo hành

Việc nhập khẩu tạm thời các mẫu thương phẩm, các hàng hoá phục vụ triển lãm và hội chợ, và trang thiết bị chuyên dụng cần được Phòng Thương mại cho phép.

Hơn 40 nước đã tham gia vào hệ thống *ATA carnet*. *ATA carnet* cho phép tạm nhập mà

không cần phải điền tờ khai hải quan hay đặt cọc thuế hải quan và các loại phí khác.

1.4. Thủ tục hải quan

1.4.1. Thủ tục thông quan hàng nhập khẩu

Thủ tục hải quan thông thường và thủ tục đơn giản hoá thường được tiến hành khi hàng hoá được cho phép lưu hành tự do. Hàng hoá được cho phép lưu hành tự do sau khi đã nộp đủ thuế và tuân thủ các quy định đề ra.

Thủ tục hải quan thông thường là thủ tục mà theo đó hàng hoá được trả khi hoàn tất khai báo nhập khẩu đi kèm với các chứng từ liên quan và nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ hải quan khác cho cơ quan hải quan.

Thủ tục hải quan đơn giản là thủ tục mà theo đó cơ quan hải quan nơi tiến hành nhập khẩu chấp thuận cho nhà nhập khẩu chỉ cần hoàn tất các chứng từ liên quan, còn thuế có thể được nợ và nhà nhập khẩu chỉ cần ghi nợ khoản thuế này với cơ quan hải quan.

Tờ khai hải quan phải do nhà nhập khẩu hoặc người được nhà nhập khẩu uỷ nhiệm nộp cho cơ quan hải quan. Nhà nhập khẩu (không phải người được nhà nhập khẩu uỷ nhiệm) chịu trách nhiệm về việc khai báo hải quan và về việc các thông tin khai báo là chính xác.

Khai báo hải quan qua Internet: Đây là một phương thức chuyển tải tờ khai xuất nhập khẩu đến cơ quan hải quan một cách nhanh gọn và hiệu quả. Toàn bộ quá trình khai tờ khai hải quan tại Thụy Điển qua Internet đều miễn phí. Người nhập khẩu chỉ cần nhập các mục cần thiết trong mẫu tờ khai điện tử, sau đó chuyển đến hệ thống máy tính của Hải quan Thụy Điển qua Internet. Những thông tin khai báo điện tử được hợp lệ hoá nhờ việc sử dụng chữ ký điện tử.

Khai báo hải quan trên giấy tờ: Người nhập khẩu sau khi khai đầy đủ các thông tin trên tờ khai (trên văn bản giấy) sẽ nộp tờ khai này cho cơ quan hải quan. Nhân viên hải quan sẽ nhập các thông tin trên tờ khai vào hệ thống máy tính của Hải quan Thụy Điển. Người nhập khẩu sẽ phải trả một khoản lệ phí cho việc khai báo này. (Nếu khai và nộp tờ khai hải quan ngoài giờ hành chính và ngày nghỉ sẽ phải trả một khoản lệ phí khoảng 5 USD)

Cách điền tờ khai hải quan do Cục Hải quan Thụy Điển hướng dẫn. Sách hướng dẫn này được cung cấp miễn phí tại các cơ quan hải quan, tuy nhiên, chưa có sách hướng dẫn bằng tiếng Anh. Vì vậy, nhà nhập khẩu nói tiếng Anh có thể nhận được sự giúp đỡ từ đường dây hỗ trợ thông tin của hải quan Stockholm (08 789 7955) hay tại văn phòng hải quan gần nhất.

1.4.2. Các chứng từ cần nộp hoặc xuất trình khi làm thủ tục hải quan

Khi làm thủ tục hải quan cần có các chứng từ sau:

- Hoá đơn thương mại
- Vận đơn

- Tờ khai hải quan đối với một số hàng cụ thể để xác định trị giá hải quan của toàn bộ lô hàng khai báo. Tờ khai hải quan chỉ bắt buộc khi giá trị của lô hàng vượt quá 3000 ECU (đơn vị tiền tệ Châu Âu) hay 48000 SEK (Đồng tiền Thụy Điển là đồng curon (crown/s, krona/kronor). Viết tắt quốc tế của đồng curon là SEK, còn viết tắt thông thường ở Thụy Điển là kr.
- Ngoài ra, trong một số trường hợp cần phải nộp giấy chứng nhận xuất xứ (hay chứng nhận xuất xứ kèm theo hoá đơn). Giấy chứng nhận xuất xứ là bắt buộc đối với các sản phẩm dệt may dựa vào luật pháp EU, và các chứng từ khác (trong những trường hợp đặc biệt cần xác nhận, bạn phải nộp tờ khai hàng trả lại đi kèm với một bản sao tờ khai hàng xuất khẩu, giấy phép...).

Quy định về nội dung các chứng từ:

Thụy Điển không có quy định cụ thể về mẫu hoá đơn thương mại, vận đơn hay các chứng từ vận chuyển khác. Theo các quy định của hải quan Thụy Điển và EU, hoá đơn phải có các thông tin sau:

- Tên, chữ ký và địa chỉ của người bán;
- Tên và địa chỉ người mua;
- Ngày viết hoá đơn;
- Ngày hợp đồng mua bán được ký kết;
- Số của thùng, bưu kiện hoặc container;
- Tên chỉ mục hàng hoá;
- Số, ký hiệu loại và trọng lượng thực và tổng;
- Khẩu trừ của sản phẩm (và loại khẩu trừ);
- Các điều kiện về giao hàng và thanh toán;

Các chứng từ gửi hàng có thể được lập bằng tiếng Anh. Việc chuyển hàng vào Thụy Điển cần có vận đơn. Tốt nhất là khi đưa hàng vào Thụy Điển cần có vận đơn sạch đi kèm hoá đơn.

Ngoài ra, trong một số trường hợp nhất định, cơ quan hải quan cũng có thể yêu cầu xuất trình các chứng từ vận chuyển hàng, hoặc phiếu đóng gói.

1.4.3. Xác định trị giá tính thuế hải quan

Cơ sở xác định trị giá tính thuế của hàng hóa là trị giá giao dịch của hàng hóa (theo như Bản thỏa thuận thi hành điều khoản VII của Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch - GATT) cộng thêm một số chi phí khác như:

- Phí chuyên chở đến địa điểm nhập khẩu vào EU
- Phí bảo hiểm
- Phí bốc dỡ hàng
- Phí trả cho người môi giới
- Phí bản quyền và phí xin giấy phép mà người mua phải trả theo như điều kiện mua hàng
- Một phần lợi nhuận mà người bán phải trả trong trường hợp bán cho bên thứ 3.

1.4.4. Phân loại hàng hóa

Tất cả các loại hàng hoá đều được phân loại và gán mã số theo Hệ thống hài hoà về mô tả và mã hoá hàng hoá (HS). Mã được sử dụng để nhận dạng tỉ lệ thuế sẽ thu, cũng như để nhận biết liệu loại hàng hóa đó có nằm trong danh mục cần phải có giấy phép nhập khẩu hay không.

Phân loại hàng hóa có nghĩa là nhận dạng đúng mã hàng cho hàng hóa của mình. Tất cả các mã này đều có trong quy định về thuế quan của Thụy Điển.

Mã hàng là cơ sở để nhân viên hải quan làm thủ tục thông quan cho hàng hóa, cụ thể hơn chính là để áp thuế hay nhận dạng loại hàng hóa đó cần phải có giấy phép đi kèm hay không. Vì lý do này, việc nhà xuất nhập khẩu nhận biết và sử dụng đúng loại mã hàng hóa là rất quan trọng khi tiến hành thủ tục xuất nhập khẩu.

Có những loại hàng hóa dễ dàng phân loại, chúng có thể được định nghĩa rõ ràng trong văn bản quy định. Tuy nhiên có một số loại hàng hóa gặp khó khăn khi phân loại, trong trường hợp đó các nhà xuất nhập khẩu nên tìm sự trợ giúp từ phía cơ quan hải quan và có thể là sẽ phải chịu áp dụng *Quy định phân loại ràng buộc*.

Quy định phân loại ràng buộc: là văn bản pháp luật quy định mã cho một loại hàng hóa nào đó. Quy định này thường có giá trị trong khoảng thời gian 6 tháng kể từ ngày ban hành và chỉ có giá trị đối với đối tượng áp dụng của nó mà thôi. Quy định này có thể được áp dụng trong hoạt động xuất nhập khẩu của tất cả các nước thành viên EU.

Tất cả các Quy định phân loại ràng buộc được đăng ký trong một hệ thống cơ sở dữ liệu chung của các nước EU. Khi áp dụng một quy định nào đó bạn phải thừa nhận và tuân thủ trình tự của nó. Để áp dụng bạn phải điền vào một tờ khai đặc biệt tại các cơ quan hải quan Thụy Điển.

1.4.5. Một số loại phí hải quan

Phí hoá đơn

Trong một số trường hợp, hải quan sẽ cân nhắc thu phí phụ thêm dựa trên hoá đơn của chuyên hàng. Phí này thường được thu nếu hải quan thấy cần thiết, dựa vào kích cỡ hàng lớn và số lượng nhiều hoá đơn.

Phí kiểm tra hàng

Khoản phí phụ thêm này có thể được thu cho một số loại hàng hoá (ví dụ các loại cây hoặc các sản phẩm tươi sống phục vụ tiêu dùng địa phương) để tiến hành hoạt động kiểm tra hoặc thử nghiệm cần thiết khi hàng hoá tham gia vào thương mại Thụy Điển.

2. Chính sách thuế và thuế suất

Từ khi Thụy Điển trở thành thành viên EU năm 1995, hệ thống các quy tắc về thuế nhập khẩu đã hoàn toàn hài hoà với hệ thống thuế quan nhập khẩu của Liên minh Châu. Thuế nhập khẩu vào Thụy Điển chủ yếu là thuế theo giá (tính theo phần trăm trên giá hàng

hoá). Ngoài ra, một số hàng thực phẩm và hàng nông sản như thịt bò và các sản phẩm từ sữa phải tuân theo quy định về hạn ngạch của EU.

Thuế thu nhập cá nhân được chia làm 3 mức là 30%, 50% và 55%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng ở mức 22%.

Liên hệ:

Cơ quan Hải quan Thụy Điển

Swedish Board of Customs: Almstromergatan 39, Box 12 854, 112 98 Stockholm,
Tel: +46 771 520 520, Fax: +46 820 8012

2.1 Thuế quan

Thụy Điển sử dụng Hệ thống hài hoà về Mã hoá và Mô tả Hàng hoá (HS) trong biểu thuế quan. Thuế nhập khẩu được tính theo giá CIF (tiền hàng, bảo hiểm, cước) của hàng nhập khẩu; thuế suất thuế nhập khẩu thay đổi tùy theo mặt hàng và nước xuất xứ.

Hiện nay, Thụy Điển áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu chung của EU (0 - 20%) đối với hàng hoá công nghiệp từ các nước không thuộc EU và các nước không thuộc Hiệp hội EFTA.

Miễn thuế

Theo quy định về ưu đãi chung dành cho các nước kém phát triển, Thụy Điển không đánh thuế đối với hàng hoá công nghiệp thành phẩm và bán thành phẩm nhập khẩu (ngoại trừ hàng quần áo và giày dép) và nhiều mặt hàng nông sản từ khoảng 125 nước đang phát triển, gồm cả Argentina, Braxin, Croatia, Ấn độ, Mêhicô và Tusinia. Tất cả các sản phẩm nhiệt đới đều được miễn thuế khi nhập khẩu vào Thụy Điển.

Các mẫu catalogue, thông tư, bảng giá và các ấn phẩm phục vụ quảng cáo đều được miễn thuế.

Trong một số trường hợp, nhà nhập khẩu có thể được giảm hoặc miễn thuế hải quan, điển hình nhất là khi hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước mà EU ký hiệp định phi mậu dịch. Một số trường hợp khác đó là:

- Tạm nhập
- Việc nhập khẩu các sản phẩm để tiếp tục chế biến, đóng gói lại hoặc tái xuất
- Việc nhập khẩu các công cụ dụng cụ phục vụ khoa học.

Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) của EU: Thụy Điển còn áp dụng chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập của EU. Theo chương trình này, EU chia các sản phẩm được hưởng GSP thành 4 nhóm với mức thuế ưu đãi khác nhau dựa trên mức độ nhạy cảm đối với bên nhập khẩu, mức độ phát triển của nước xuất khẩu và các văn bản thỏa thuận được ký giữa 2 bên.

Bốn nhóm sản phẩm của các nước đang phát triển được hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) của EU như sau:

+ Nhóm 1: Sản phẩm rất nhạy cảm: bao gồm phần lớn là nông sản và một số ít sản phẩm công nghiệp tiêu dùng. Nhóm này khi nhập khẩu vào EU sẽ được hưởng mức thuế GSP với thuế suất bằng 85% thuế suất tối huệ quốc. Đây là nhóm mặt hàng EU hạn chế nhập khẩu.

+ Nhóm 2: Các sản phẩm nhạy cảm: chủ yếu là thực phẩm, đồ uống, hóa chất, nguyên liệu, hàng thủ công. Nhóm này được hưởng mức thuế GSP bằng với thuế suất bằng 70% thuế suất tối huệ quốc. Đây là nhóm mặt hàng EU không khuyến khích nhập khẩu

+ Nhóm 3: Sản phẩm bán nhạy cảm: bao gồm phần lớn là thủy hải sản đông lạnh. Nhóm này được hưởng mức thuế GSP với thuế suất bằng 35% thuế suất tối huệ quốc. Đây là nhóm mặt hàng EU khuyến khích nhập khẩu.

+ Nhóm 4: Sản phẩm không nhạy cảm: chủ yếu là thực phẩm, đồ uống, nguyên liệu, nông sản... Nhóm này được hưởng mức thuế GSP với thuế suất bằng 0-10% thuế suất tối huệ quốc. Đây là nhóm mặt hàng EU đặc biệt khuyến khích nhập khẩu.

Hàng hóa Việt Nam vào thị trường EU được hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) từ 1/7/1996 cho đến nay.

2.2 Các loại thuế khác đánh vào hàng nhập khẩu

2.2.1 Thuế VAT

Hiện nay (2014), thuế giá trị gia tăng (VAT) đánh trên giá bán hàng hoá và dịch vụ ở mức phổ biến là 25%. Một số mặt hàng thực phẩm, phí khách sạn và một số loại hình dịch vụ khác như thực phẩm, khách sạn và nghệ thuật được hưởng mức thuế VAT thấp hơn với thuế suất là 12%, sách, tạp chí, giao thông, sự kiện thể thao, nhà hàng, bảo tàng... được hưởng mức thuế 6%.

Thụy Điển cũng đánh VAT trên trị giá mua lại từ các đơn vị kinh doanh trong EU và đánh vào hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu từ các nước ngoài EU. Thuế VAT sẽ được miễn cho các hàng hóa xuất khẩu sang các quốc gia ngoài EU.

2.2.2 Thuế chống bán phá giá

Khi sản phẩm nhập khẩu gây tổn hại vật chất hoặc đe dọa gây tổn hại vật chất đến ngành sản xuất sản phẩm giống hệt hay tương tự ở Thụy Điển, thì ngành sản xuất bị tổn hại hay bị đe dọa gây tổn hại đó có thể gửi đơn kiện đến Brussels (Bi). Thuế chống bán phá giá sẽ được áp dụng nếu kết quả điều tra cho thấy sản phẩm nhập khẩu đã được bán tại Thụy Điển với mức giá thấp hơn mức giá thông thường của sản phẩm đó bán tại nước xuất khẩu. Loại thuế này được đánh như một khoản phụ thu bên cạnh thuế hải quan thông thường.

2.2.3 Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế đánh vào một số mặt hàng nhất định có liên quan đến hàng nhập khẩu từ các nước nằm ngoài EU. Đây là công cụ mà Thụy Điển sử dụng để điều tiết tiêu dùng các mặt hàng như năng lượng, rượu và thuốc lá...

Hiện nay thuế tiêu thụ đặc biệt chủ yếu là thuế đánh vào các mặt hàng như:

- Nhiên liệu (ví dụ: xăng, dầu, than và gas),
- Điện,
- Rượu,
- Thuốc lá,
- Trò chơi điện tử,
- Xe máy,
- Cầu đường.

2.2.4 Thuế đối kháng (thuế chống trợ giá)

Thuế đối kháng được áp dụng để chống lại tác động của việc nước xuất khẩu trợ cấp cho mặt hàng xuất sang Thụy Điển dẫn tới giá thành thấp hơn một cách giả tạo gây bất lợi cho Thụy Điển và các nền kinh tế thành viên EU.

3. Các yêu cầu về bao gói và nhãn mác

Quy định về nhãn mác:

Hiện nay, các quy định về nhãn mác của Thụy Điển phù hợp với các quy định chung của EU.

Thụy Điển không yêu cầu hàng nhập khẩu ghi tên nước xuất xứ trên nhãn hàng hoá. Tuy nhiên, các hàng hoá sai tên xuất xứ đều bị cấm.

Đối với một số mặt hàng, ví dụ dược phẩm, hóa chất, hàng thực phẩm, cần phải tuân thủ các quy định và yêu cầu ghi nhãn mác đặc biệt.

Thụy Điển có các quy định về dán nhãn, vệ sinh và y tế rất nghiêm ngặt cũng như các yêu cầu phức tạp để giám sát chất lượng hàng hoá. Ví dụ: Một gói hàng thực phẩm bán lẻ phải ghi tên nhà sản xuất, nhà đóng gói và nhà nhập khẩu, tên thương mại của sản phẩm, trọng lượng hoặc khối lượng tịnh, các thành phần theo yêu cầu giảm dần về trọng lượng, ngày sử dụng sau cùng, hướng dẫn bảo quản nếu sản phẩm dễ hư hỏng, hoặc chỉ định giữ xa tầm tay trẻ em. Các thông tin trên được mô tả bằng tiếng Thụy Điển và nhà nhập khẩu có thể hỗ trợ các công ty trong việc sắp xếp hợp lý các thông tin trên nhãn mác.

Một số quy định về nhãn mác đối với một số sản phẩm cụ thể như sau:

- Nhãn của thực phẩm chứa đường phải nêu rõ tên loại đường, bao gồm đường Lactosa, đường hoá học, đường Mantoza, đường hoa quả, và đường mía.
- Thực phẩm chứa đường Sacarin và đường hoá học phải được ghi nhãn theo quy định riêng.
- Nhãn mác của thực phẩm đóng gói có thời hạn sử dụng phải nêu rõ ngày hết hạn.
- Nhãn mác của thực phẩm đông lạnh phải nêu rõ chỉ dẫn bảo quản và sử dụng.
- Nhãn mác của sản phẩm mật ong phải nêu tên nước xuất xứ.
- Nhãn mác của sản phẩm pho mát phải nêu tên nước xuất xứ và hàm lượng chất béo.
- Các hoá chất độc hại cần phải tuân thủ quy định riêng biệt về ghi nhãn mác. Nhãn mác bên ngoài container đựng hoá chất độc hại phải nêu tên và tính năng của sản phẩm, tên và địa chỉ nhà sản xuất và nhà nhập khẩu, và chỉ thị rõ những chất độc hại này phải được giữ xa trẻ em.
- Thuốc được ghi nhãn theo phương thức riêng theo quy định của Bộ Y tế.

- Thiết bị bảo quản đông lạnh nội địa phải được ghi nhãn với đầy đủ các chi tiết tiêu thụ năng lượng.

Quy định về bao gói:

Thụy Điển không đưa ra quy định đặc biệt nào về việc bao gói sản phẩm. Tuy nhiên, Thụy Điển không khuyến khích sử dụng cỏ khô, rơm hoặc bao tải để bao gói hàng. Trong trường hợp sử dụng thì cần phải có giấy chứng nhận vệ sinh kèm theo.

Bên ngoài thùng đựng hàng nên có ký hiệu của người uỷ nhiệm, ký hiệu của cảng và được đánh số (tương ứng với danh mục hàng đóng gói) trừ khi hàng đã được nhận dạng theo một cách nào khác. Vận chuyển gói hàng vượt quá trọng lượng 1.000 tấn phải được đánh dấu trọng lượng tổng.

Liên hệ:

Swedac, Styrelsen for Ackreditering och Teknisk Kontroll

Box 878

S- 501 15 Boras

Tel: 46-33-177 700

Fax: 46-33-101 392

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

4.1 Chứng nhận vệ sinh

Đối với hàng hoá có khả năng chứa các bệnh động/ thực vật dễ lây lan, khi nhập khẩu vào Thụy Điển bắt buộc phải giấy chứng nhận vệ sinh mang tên nước xuất xứ. Các loại hàng hoá đòi hỏi phải có chứng nhận vệ sinh bao gồm:

- các loại động vật sống,
- các sản phẩm từ động vật (thịt, các sản phẩm từ thịt, và thức ăn động vật), và
- các sản phẩm thực vật như khoai tây, cây trồng và hạt giống.

Giấy chứng nhận vệ sinh phải được hợp pháp hoá bởi cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc xuất khẩu.

Ngoài ra, Thụy Điển còn áp dụng các quy định về hạn chế nhập khẩu đối với hàng hoá đặc biệt để bảo đảm an toàn và sức khoẻ cộng đồng, hoặc để phòng trừ nguy cơ dịch bệnh cho động thực vật trong nước.

4.2 Kiểm dịch động vật sống và sản phẩm từ động vật

Bất cứ ai muốn nhập khẩu động vật sống hay các sản phẩm từ động vật đều phải đăng ký với Uỷ ban Nông nghiệp Thụy Điển về việc nhập khẩu hàng hoá đó. Đối với một số mặt hàng nhất định, cần phải có sự cho phép từ phía Uỷ ban Nông nghiệp Thụy Điển.

Tờ khai nhập khẩu động vật, phôi, trứng, tinh trùng và các sản phẩm từ động vật khác từ các nước thế giới thứ ba phải được nộp cho Cơ quan thanh tra thú y biên giới trước khi tiến hành nhập khẩu ít nhất 1 ngày. Nhập khẩu các loại hàng hoá nêu trên từ các quốc gia trực thuộc EU phải báo trước cho Bộ Nông nghiệp Thụy Điển.

Việc nhập khẩu động vật và các sản phẩm từ động vật từ các nước thế giới thứ ba phải

được thực hiện tại địa điểm nhập khẩu định trước (địa điểm thanh tra biên giới). Tuy nhiên, điều này không áp dụng đối với những loại chim cảnh được nhập khẩu và khai báo tại cơ quan hải quan.

Việc vận chuyển hàng hoá phải luôn kèm theo chứng nhận y tế hoặc chứng nhận khác do một cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu cấp.

4.3 Kiểm dịch các loại cây trồng

Bất cứ cá nhân nào muốn nhập khẩu cây trồng, đất, phân bón, thuốc trừ sâu hoặc chất kích thích tăng trưởng trên cơ sở buôn bán kinh doanh đều phải đăng ký với Bộ Nông nghiệp Thụy Điển.

Cơ quan thanh tra của Bộ Nông nghiệp Thụy Điển chịu trách nhiệm thanh tra các loại cây trồng nhập khẩu.

Một số mặt hàng liên quan đến cây trồng nhất định phải có giấy chứng nhận y tế đi kèm.

Một số đối tượng nhất định có thể không được phép nhập khẩu vào Thụy Điển, bao gồm các loại cây nhất định có biểu hiện bị nhiễm bệnh và sâu hại.

4.4 Kiểm dịch lương thực

Nhà nhập khẩu muốn nhập khẩu lương thực vào Thụy Điển với mục đích thương mại bắt buộc phải có cơ sở tại Thụy Điển và phải đăng ký với Ủy ban Dinh dưỡng và thực phẩm về các mặt hàng nhập.

Nhà nhập khẩu phải thông báo trước cho Cơ quan thanh tra biên giới đầy đủ về lượng hàng nhập khẩu, và phải sử dụng mẫu tờ khai đặc biệt. Việc nhập khẩu lương thực từ các nước thế giới thứ ba phải được thực hiện tại địa điểm nhập khẩu đã định sẵn.

Việc nhập khẩu lương thực hay động vật từ nước thế giới thứ ba được tiến hành sau khi Bộ Nông nghiệp Thụy Điển phê duyệt. Khi nhập khẩu các loại lương thực khác, cần phải có sự chấp thuận từ phía Ủy ban Dinh dưỡng và Thực phẩm.

Việc nhập khẩu thực phẩm chứa thịt hoặc các sản phẩm sữa nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân sẽ bị cấm trừ khi có kèm theo văn bản cần thiết từ các cơ quan thú y của nước xuất xứ. Sữa dành cho trẻ sơ sinh, thức ăn và các loại thức ăn đặc biệt phục vụ mục đích sức khoẻ có thể được nhập khẩu với điều kiện những sản phẩm này không cần phải bảo quản lạnh trước khi sử dụng, được bao gói dán nhãn hợp lý để bán trực tiếp cho người sử dụng, và bao gói vẫn còn nguyên vẹn.

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Hệ thống pháp lý của Thụy Điển đủ hiệu lực để bảo vệ mọi quyền sở hữu bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ. Là nước ký Hiệp định EEA năm 1993, Thụy Điển đã đạt được sự gia nhập các hiệp ước đa phương về sở hữu công nghiệp, trí tuệ và thương mại.

Thụy Điển là thành viên của Hiệp ước quốc tế "Paris Union" về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, thương hiệu, tên thương mại và kiểu dáng công nghiệp) cùng với sự

tham gia của trên 80 nước khác. Các ủy viên ban quản trị kinh doanh và các nhà đầu tư từ các quốc gia này sẽ được quyền hưởng sự đối đãi quốc gia ở Thụy Điển (được đối xử như công dân Thụy Điển), theo những quy định về bảo vệ bằng sáng chế và thương hiệu.

Đơn xin và các yêu cầu tìm hiểu thông tin liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ xin gửi tới địa chỉ:

Phòng đăng ký và bằng sáng chế

(Patent & Registreringsverket)

Box 5055, S-102 42 Stockholm

Điện thoại: 46-8-782 2500; Fax: 46-8-666 0286

www.prv.se

Bằng sáng chế

Bằng sáng chế được lập ra để bảo vệ tính độc quyền của các sáng chế. Nói cách khác, bằng sáng chế là việc bảo vệ các phát minh sáng kiến. Chỉ có những sản phẩm và công nghệ có tính cách kỹ thuật mới được xem như là những sáng chế. Để có được bằng sáng chế, các phát minh phải tuyệt đối mới, nghĩa là chúng chưa từng được trình bày ở bất cứ nơi nào trên thế giới trước đó. Phát minh còn phải có ích về phương diện kỹ thuật và phải có một mức độ sáng tạo nào đó. Thời hạn bảo hộ của một bằng sáng chế có thể kéo dài đến 20 năm. Người phát minh phải đóng lệ phí hàng năm và qua đó có thể lựa chọn để tiếp tục hoặc ngừng bảo hộ.

Hiệp ước hợp tác bằng sáng chế (PCT) được trên 100 nước ký kết, trong đó có Thụy Điển. Như vậy lãnh thổ Thụy Điển có thể giải quyết việc xin bảo hộ hoặc đăng ký bằng sáng chế tại bất kỳ quốc gia nào đã ký các hiệp ước này. Sự bảo vệ bằng sáng chế có nghĩa là được độc quyền nhập vào Thụy Điển, sản xuất và bán sản phẩm ở Thụy Điển. Nếu vi phạm bằng sáng chế có thể phải bồi thường hoặc bị khởi tố trước tòa.

Quyền tác giả

Quyền tác giả là sự bảo vệ việc sáng tạo nghệ thuật. Một tác phẩm thể hiện một mức độ sáng tạo nào đó đương nhiên sẽ được bảo vệ bởi quyền tác giả. Tác phẩm đó có thể có giá trị văn chương, kịch, âm nhạc hoặc nghệ thuật. Thủ tục đăng ký quyền tác giả là không cần thiết, thậm chí không có thủ tục này ở Thụy Điển. Quyền tác giả bao gồm độc quyền xuất bản và tái xuất bản tác phẩm, hoặc kịch bản của nó hoặc quyền trình bày nó trước công chúng. Sự xúc phạm hoặc xâm phạm tính nguyên bản và những quyền lợi cá nhân của người nghệ sĩ bị ngăn cấm. Tác quyền có hiệu lực cho đến 50 năm sau khi người nghệ sĩ qua đời.

Thụy Điển đã ký nhiều hiệp ước đa phương về bảo vệ quyền tác giả bao gồm Hiệp ước Berne 1971 và hiệp ước Rome 1961. Luật pháp Thụy Điển cũng bảo vệ quyền xuất bản từ một số nước khác.

Nhãn hiệu thương mại

Nhãn hiệu thương mại có thể bao gồm bất cứ những gì biểu hiện về nguồn gốc thương mại của một sản phẩm hay dịch vụ. Ví dụ như địa chỉ thương mại, mẫu mã bao bì hoặc thiết kế nội thất của cửa hàng. Tuy vậy các nhãn hiệu thông dụng nhất là nhãn hiệu bằng chữ hoặc hình tượng. Hầu hết người dùng phương Tây quen với việc sử dụng những nhãn

hiệu thương mại như chúng thường xuất hiện trên thị trường. Chúng ta có thói quen liên tưởng các nhãn hiệu thương mại với một số đặc tính hoặc kỳ vọng về sản phẩm mà không ý thức được điều đó. Do đó nhãn hiệu thương mại có chức năng truyền đạt thiện ý của sản phẩm.

Nhãn hiệu thương mại muốn được bảo vệ thì phải thông qua đăng ký hoặc sử dụng rộng rãi (nổi tiếng trong giới công chúng mua sắm). Một người muốn có độc quyền về nhãn hiệu thương mại thì phải mất công chứng minh điều đó vì thế tốt nhất là nên đăng ký trước bất kỳ nhãn hiệu nào mà mình muốn dùng.

Madrid Protocol là hiệp định có liên quan tới đăng ký nhãn hiệu thương mại quốc tế. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 12 năm 1996 và Thụy Điển công bố sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ thương mại. Hiệp định này cũng cho phép công dân và thương gia của các nước thành viên gửi đơn cho International Bureau, WIPO (Tổ chức quyền sở hữu trí tuệ thế giới) ở Geneva, thông qua văn phòng cấp nhãn hiệu thương mại quốc gia về việc đăng ký nhãn hiệu thương mại quốc tế.

Sự đăng ký nhãn hiệu thương mại có thể được duy trì vĩnh viễn bằng một thủ tục tái đăng ký 10 năm một lần. Một nhãn hiệu thương mại không được dùng trong thời hạn 5 năm có thể được Tòa án quyết định hủy bỏ. Sự độc quyền về nhãn hiệu thương mại có nghĩa là không người nào khác được phép sử dụng nhãn hiệu này để tránh gây nhầm lẫn. Nếu vi phạm nhãn hiệu thương mại sẽ phải bồi thường hoặc bị khởi tố trước tòa án.

Kiểu dáng công nghiệp

Là nước ký hiệp định TRIPS, Thụy Điển cam kết tự bảo vệ các kiểu dáng công nghiệp được tạo độc lập mới hoặc độc đáo. Sự bảo vệ kiểu dáng là sự bảo vệ về bên ngoài và kiểu dáng của hàng hóa. Sự bảo vệ mẫu mã của hàng hóa không bao gồm việc bảo vệ chức năng của sản phẩm dưới bất kỳ hình thức nào. Việc bảo vệ cũng phải dựa trên việc đăng ký và thủ tục đăng ký cũng giống như thủ tục đăng ký bằng sáng chế. Kiểu mẫu phải mới mẻ hoàn toàn. Mẫu mã muốn đăng ký phải có một độ sáng tạo nhất định và không được giống mẫu mã kiểu dáng hiện có. Thời hạn hiệu lực cho một mẫu mã kiểu dáng công nghiệp đăng ký kéo dài tối đa là 15 năm và cứ mỗi năm phải lập thủ tục đăng ký lại.

6. Khu vực tự do thương mại

Đầu tư vào Thụy Điển không những tiếp cận với một thị trường năng động mà còn tiếp cận với thị trường tự do thương mại lớn nhất thế giới – EU – với 28 nước và 550 triệu người tiêu dùng. Thụy Điển là thị trường lớn nhất Scandinavia (bao gồm Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan) thường được xem là người đi đầu trong việc chấp nhận và thực hiện những công nghệ mới và hình thành những xu hướng tiêu dùng mới. Do đó rất nhiều công ty đa quốc gia đặt trụ sở chính tại Thụy Điển bởi sự đơn giản trong thủ tục và chi phí hợp lý.

Tỉnh Kalmar ở đông nam Thụy Điển, nằm trong trung tâm của vùng biển Baltic, với hơn 100 triệu người tiêu dùng. Tỉnh có dân số là 234000 người, với mạng lưới sân bay, đường, đường sắt phát triển rất tốt. Hội đồng địa phương ở Kalmar (RCK) và 12 đô thị khác luôn có chính sách ưu đãi chào đón nhà đầu tư tiềm năng, hỗ trợ nhà đầu tư trước

khi thành lập doanh nghiệp.

7. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa dịch vụ

Muốn bán hàng vào các siêu thị ở Thụy Điển, trước hết phải sản xuất được hàng thành phẩm có chất lượng cao, bao gói theo yêu cầu của các tập đoàn siêu thị; phải bảo đảm cung cấp hàng đều đặn và ổn định về số lượng và chất lượng với giá cạnh tranh. Người tiêu dùng Thụy Điển coi trọng chất lượng với giá cả cạnh tranh. Họ quen với các thương hiệu lớn truyền thống. Hàng thành phẩm chất lượng cao, số lượng lớn và ổn định thì nên bán qua các tập đoàn siêu thị; hàng có số lượng không lớn và đa dạng thì nên bán qua đại lý hoặc các công ty nhỏ và vừa; hàng ở dạng nguyên liệu thô thì nên bán trực tiếp cho các nhà máy chế biến.

Để có thể kiểm tra những yêu cầu về hàng hóa có thể tham khảo website www.opentradegate.se của Thụy Điển nhằm giúp đỡ các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển. Thụy Điển là một thành viên của EU do đó hàng hóa muốn đạt tiêu chuẩn của Thụy Điển trước hết là phải đạt tiêu chuẩn của EU.

Nhìn chung, có thể nói rằng thị trường EU có nhu cầu rất cao về chất lượng sản phẩm, các quy định tập trung đến các nội dung sau:

Tiêu chuẩn hóa sản phẩm:

Theo truyền thống, các tiêu chuẩn được sử dụng để mô tả chất lượng và tính năng của hàng hóa dịch vụ và chúng rất quan trọng đối với sự phát triển của thị trường toàn cầu. Hầu hết các tiêu chuẩn đều được xây dựng theo yêu cầu của nền công nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam phải nhanh chóng đổi mới công nghệ thiết bị và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn hóa không chỉ quan trọng trong lĩnh vực sức khỏe, an toàn còn trong lĩnh vực quản lý chất lượng, sản xuất mang tính môi trường trách nhiệm xã hội. Việc tiêu chuẩn hóa sẽ tạo ra các nhãn hiệu hàng hóa, các giấy chứng nhận nhằm chứng minh cho việc tuân thủ các tiêu chuẩn mà các doanh nghiệp áp dụng, tạo điều kiện tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường quốc tế.

Quản lý chất lượng sản phẩm:

Đây là tiêu chuẩn quan trọng để quyết định năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng liên quan đến phương thức quản lý. Tiêu chuẩn này khác với các tiêu chuẩn hàng hóa, nhãn hiệu hàng hóa có liên quan đến sản phẩm hay quá trình sản xuất. Đăng ký tiêu chuẩn quản lý chất lượng là quá trình tự nguyện, tiêu chuẩn này sẽ giúp cho người tiêu dùng có cách nhìn nhận về doanh nghiệp trên thị trường, đặc biệt là khi doanh nghiệp được cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn quản lý được quốc tế công nhận. Các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quan trọng nhất thuộc nhóm tiêu chuẩn ISO 9000. Các nhà sản xuất được cấp chứng chỉ ISO 9001 hay ISO 9002 thực sự đã sở hữu một tài sản quan trọng đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là một đặc điểm hỗ trợ bán hàng cơ bản trong kinh doanh ở thị trường EU vốn rất cạnh tranh, đặc điểm này cũng giúp tăng thêm lòng tin của khách hàng.

Về sức khỏe và an toàn thực phẩm:

Đối với các sản phẩm công nghiệp chế tạo cần phải đạt nhãn CE (European Conformity) là một nhãn bắt buộc đối với nhiều sản phẩm công nghiệp. Mục đích của nhãn CE là đặt ra yêu cầu chung đối các nhà sản xuất nhằm chỉ đưa ra những sản phẩm an toàn ở thị trường EU. Nhãn CE được xem là một giấy thông hành của nhà sản xuất lưu thông nhiều sản phẩm công nghiệp như máy móc thiết bị, các thiết bị điện có điện thế thấp, đồ chơi, các thiết bị an toàn cá nhân... Trên thị trường EU, nhãn CE chỉ ra rằng sản phẩm đáp ứng các nhu cầu về luật định và có thể được áp dụng về an toàn, sức khỏe, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng.

Đối với các sản phẩm thực phẩm thì tiêu chuẩn HACCP (the Hazard Analysis Critical Control Point system) được áp dụng cho ngành công nghiệp thực phẩm, điều này sẽ xác định rằng các công ty thực phẩm xác định từng khía cạnh ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm.

Về môi trường:

Nhiều quốc gia Châu Âu thỏa thuận mang tính tình nguyện và mang tính pháp lý được thông qua giữa Chính phủ và các nhà sản xuất. Các thỏa thuận không chỉ áp dụng cho sản phẩm mà được áp dụng cho bao bì của sản phẩm. Các nhà xuất khẩu của Việt Nam phải tuân thủ những quy định về môi trường để được xuất khẩu. Các nhà xuất khẩu buộc phải xem xét ảnh hưởng môi trường của sản phẩm mình, của quá trình sản xuất và đóng gói. Do đó, các nhà xuất khẩu Việt Nam phải hiểu rằng việc tuân thủ các quy định về sản phẩm là rất cần thiết, tuy nhiên việc đầu tiên là đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng là điều quan trọng trong thành công tại thị trường EU.

Bên cạnh, ngoài các tiêu chí quan trọng về chất lượng, vệ sinh, an toàn và môi trường đã đề cập ở trên, các vấn đề xã hội ngày càng có tầm quan trọng. Ngày nay có nhiều người dân Châu Âu cho rằng các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về đạo đức đối với nhân viên của họ nói riêng và toàn xã hội nói chung. Người tiêu dùng ngày càng coi trọng “đạo đức kinh doanh” như một tiêu chí để lựa chọn và đàm phán trong kinh doanh.

8. Thành lập doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nước ngoài có thể tự do thành lập văn phòng ở Thụy Điển. Các dạng doanh nghiệp kinh doanh được thừa nhận là hợp pháp và có tư cách pháp nhân ở Thụy Điển bao gồm:

- Công ty TNHH (viết tắt là AB và có 2 loại công ty TNHH là công và tư)
- Chi nhánh công ty nước ngoài (filial)
- Tổ chức góp vốn chung hoặc góp vốn trách nhiệm hữu hạn
- Quyền sở hữu duy nhất
- Hiệp hội kinh tế

Theo thông lệ, các nhà đầu tư nước ngoài ở Thụy Điển thích dạng công ty TNHH hơn. Công ty con của công ty nước ngoài được thành lập ở Thụy Điển theo luật pháp Thụy Điển được xem như một công ty Thụy Điển về mọi phương diện và nhìn chung không có sự phân biệt về pháp lý giữa việc người nước ngoài hay người Thụy Điển sở hữu các cổ phần công ty.

Việc thành lập công ty được quy định bởi Luật công ty Thụy Điển. Tuy nhiên, nhà đầu tư không cần phải lo lắng về những thủ tục này vì việc tìm được một công ty đã đăng ký tương tự công ty mà nhà đầu tư có ý định thành lập là không khó khăn và khi đó chỉ việc dựa vào hồ sơ của công ty đó và chỉnh sửa đôi chút cho phù hợp là được.

Nhượng quyền

Nhượng quyền là một trong những phương thức làm kinh doanh đang phát triển nhanh nhất ở Thụy Điển. Hoạt động nhượng quyền xảy ra phổ biến trong lĩnh vực thức ăn biến sẵn. Ngoài ra, trong các lĩnh vực đồ dùng nội thất, bán lẻ quần áo và một số ngành dịch vụ cũng áp dụng phương thức này.

Các doanh nghiệp nước ngoài muốn tiến hành nhượng quyền ở Thụy Điển nên nghiên cứu kỹ pháp luật để đảm bảo giá trị pháp lý và tính hiệu lực của các hợp đồng nhượng quyền. Việc sử dụng một hợp đồng nhượng quyền nước ngoài mà không có những điều chỉnh theo luật pháp Thụy Điển thì việc tiến hành hoạt động nhượng quyền có thể gây bất lợi cho việc kinh doanh của người có thương quyền.

Thông tin chi tiết về hợp đồng nhượng quyền xin liên hệ với Hiệp hội cấp đặc quyền Thụy Điển:

Hộp thư 5243

SE – 402 24 Goteborg, Thụy Điển

Điện thoại: 46-31-836943

Email: infor.franchiseforeningen@telia.com

Web Site: franchiseforeningen.a.se.

Liên doanh cấp giấy phép

Ở Thụy Điển, liên doanh là thỏa thuận giữa 2 hoặc nhiều bên thực hiện dự án. Đây không phải là một thực thể pháp lý mà chỉ là một thỏa thuận, tuy nhiên cần phải hình thành một tư cách pháp nhân cho hoạt động của bộ dự án. Tư cách pháp nhân có thể là hoặc một công ty TNHH (AB) với những bên tham gia liên doanh là những cổ đông hoặc một tổ chức góp vốn (HB) với các bên tham gia liên doanh như là những đối tác.

9. Văn hóa kinh doanh

9.1 Phong cách quản lý

Thụy Điển dựa trên suy nghĩ rằng mỗi cá nhân đều sẵn sàng và có khả năng hoàn thành tốt công việc. Một người quản lý thường coi bản thân mình giống như 1 huấn luyện viên hơn là 1 người chỉ huy, và anh ta thường giao phó nhiệm vụ và quyền hạn cho nhân viên của mình. Các tổ chức, nhân công Thụy Điển tại mọi cấp bậc có quyền tự do đưa ra quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mà không cần phải xin sự đồng ý của cấp trên.

Một người quản lý giỏi, dưới con mắt của người Thụy Điển, là 1 người biết tận dụng được tính sáng tạo thiên phú và lòng nhiệt huyết của đội ngũ nhân viên. Anh ta dẫn dắt các nhân viên của mình không phải nhờ vào quyền lực hoặc chức vụ, mà dựa vào các nguyên tắc của sự hợp tác và đồng thuận. Một phẩm chất quan trọng khác đó là biết lắng nghe. Khi thảo luận với nhân viên, 1 nhà quản lý chuyên nghiệp nên đưa ra các lý do và quan điểm của mình dựa trên chứng cứ xác thực. Không nên dựa vào cảm tính khi thảo luận công việc.

9.2 Cách tiếp cận rủi ro

Nhà chức trách Thụy Điển nói chung có khả năng sẵn sàng đương đầu với rủi ro hơn những đồng nghiệp của họ ở các quốc gia khác. Một nghiên cứu quốc tế cho thấy người Thụy Điển có “chỉ số từ chối bất trắc” thấp hơn rất nhiều so với các dân tộc khác (Người Nhật Bản có chỉ số đó cao nhất). Từ kết quả này, người ta có thể kết luận rằng người Thụy Điển không quá lo lắng khi làm điều gì mà họ cho là phải, miễn là họ cố gắng hết sức.

Trong khi ở các nước có “chỉ số từ chối bất trắc” cao, người lao động thường thăng tiến dựa trên thâm niên làm việc thì ở Thụy Điển, hiệu quả việc thực lại là yếu tố thăng tiến quan trọng hơn. Vì vậy, nam giới và phụ nữ Thụy Điển thường nắm giữ những vị trí cao khi tuổi đời còn khá trẻ.

9.3 Đưa ra quyết định

Mặc dù người Thụy Điển sẵn sàng tiếp cận rủi ro, nhưng một khi đưa ra quyết định họ phải cân nhắc rất nhiều. Sở dĩ như vậy là bởi vì có một điều mà họ cho rằng không nên liều lĩnh: tâm lý nhất trí và đồng thuận trong 1 công ty. Các cuộc tranh cãi nảy lửa là rất không nên trong các buổi gặp gỡ làm ăn, và những lời chỉ trích cần phải được đưa ra một cách tế nhị và không mang tính cá nhân. Không giống như hầu hết các quốc gia khác, văn hoá kinh doanh Thụy Điển rất ưa thích sự thoải hiệp.

9.4 Tính đúng hẹn

Đúng hẹn không những được coi là biểu hiện của sự tôn trọng mà còn cả hiệu quả công việc. Áp lực về giờ giấc cũng có thể được nhìn nhận qua các cuộc tiếp xúc làm ăn. Việc đặt ra thời hạn để hoàn thành một công việc hay đưa ra một quyết định được coi là rất bình thường ở Thụy Điển.

Tính đúng hẹn không những quan trọng trong công việc mà còn trong đời sống xã hội. Có nghĩa là khi một người Thụy Điển được mời ăn tối lúc 8h, thì anh ta sẽ xuất hiện vào đúng 8h!

9.5 Tiếp xúc làm ăn

Thương nhân nước ngoài thường nhận ra rằng người Thụy Điển nói nhiều đến công việc nhưng tiết lộ rất ít về bản thân và những sở thích của họ. Họ có thể bàn luận rộng ra các khía cạnh mà đối tác của họ đôi khi muốn tránh đề cập hoặc giới hạn lại. Mặt khác, thương nhân Thụy Điển thường muốn đối tác nước ngoài bỏ qua những chuyện bên lề và đi thẳng vào vấn đề cần bàn. Tại Thụy Điển, việc gặp gỡ trực tiếp được coi là một dấu hiệu của hiệu quả và không làm mất thời gian của người khác.

9.6 Thông lệ giao tiếp trong kinh doanh

- Hầu hết doanh nhân Thụy Điển có lịch làm việc sát sao, vì vậy tốt hơn hết là hãy báo trước các cuộc viếng thăm của bạn.
- Chào hỏi thường bắt tay, giới thiệu rõ ràng đầy đủ họ tên của bạn.
- Việc đưa danh thiếp là rất phổ biến để bắt đầu một cuộc gặp mặt.

9.7 Thông lệ xã hội

- Nếu được mời đến thăm nhà, bạn nên tặng gia chủ hoa hoặc một món quà nho nhỏ.
- Tại bữa ăn tối, thông thường chủ nhà sẽ nói đôi lời chào mừng khách, và cuối bữa ăn khách nên nói lời cảm ơn lòng hiếu khách của gia chủ.
- Người Thụy Điển thường cảm ơn chủ nhà về bữa ăn tối trước đó trong cuộc tiếp xúc tiếp sau hoặc cuộc trò chuyện điện thoại sau đó.
- Trong một bữa ăn tối trang trọng, khách không nên uống trong cốc trên bàn trước khi có lời mời của gia chủ.
- Việc đi một vòng quanh bàn để chúc từng cá nhân là bình thường và sẽ là một cách thể hiện lịch sự khi trao đổi đôi lời, giao tiếp qua đôi mắt trong một khoảng thời gian hợp lý.
- Thời gian nghỉ lễ hàng năm từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 8, vì vậy các cuộc hẹn làm ăn nên tránh thời gian này cũng như trong lễ Giáng sinh và dịp đón năm mới.

V. Đánh giá tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Thụy Điển

Thụy Điển là đất nước có nền kinh tế phát triển, tình hình chính trị ổn định, người dân có mức sống cao thuộc hàng đầu thế giới. Thụy Điển có các tập đoàn bán lẻ hoạt động trên khắp thế giới về tất cả các lĩnh vực như: thực phẩm, đồ gia dụng, thủ công, mỹ nghệ. Hơn thế, Thụy Điển còn có thế mạnh về các ý tưởng sáng tạo, dịch vụ đào tạo và thực hiện các dự án chuyển giao tri thức, công nghệ và kỹ thuật thiết kế các sản phẩm công nghiệp và hàng thủ công mỹ nghệ.

Trong khi đó Việt Nam có thế mạnh về nguồn cung cấp nguyên liệu dồi dào và nhân công có tay nghề cao. Sự tăng cường hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ thiết kế sản phẩm giữa Việt Nam và Thụy Điển khi được kết tinh vào những sản phẩm cụ thể thì sẽ tạo ra các hàng hóa đáp ứng phù hợp hơn, sát thực hơn với xu thế và thị hiếu tiêu dùng hiện hành của thị trường Thụy Điển nói riêng và khu vực Bắc Âu nói chung.

Thụy Điển là thị trường tiềm năng cho các nhà xuất khẩu Việt Nam. Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến xu hướng phát triển của thị trường Thụy Điển trong tương lai gần là: (1) thu nhập của người dân tăng nhanh làm cầu thị trường trong nước tăng theo, đặc biệt là đối với các mặt hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu; (2) nỗ lực nghiên cứu và phát triển; (3) sự phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ như đóng gói, công cụ, thực phẩm và công nghệ sản xuất.

Các sản phẩm giá trị gia tăng và khối lượng đồ ăn sẵn được tiêu thụ trong thời gian gần đây cho thấy mức tăng trưởng vững chắc của đời sống người dân qua hàng thập kỷ và sự thay đổi tập quán tiêu thụ. Doanh số bán đồ ăn sẵn đông lạnh đã tăng 5 lần trong vòng 10 năm gần đây, chiếm 30% tổng doanh số bán các sản phẩm đông lạnh.

Các sản phẩm giới thiệu thành phần theo cách mới, cộng với bao bì cải tiến dự báo sẽ chiếm ưu thế so với các sản phẩm truyền thống. Các siêu thị đang đòi hỏi phải có nhiều loại sản phẩm và cải biến sản phẩm, và các nước Châu Âu khác cũng đang coi siêu thị như là nơi cung cấp các sản phẩm mang nhãn hiệu trong nước, giá cả hạ chưa từng có và chất lượng đạt yêu cầu.

Mặc dù nổi tiếng về phát triển các ngành công nghệ cao như điện tử, điện gia dụng, tin học, Thụy Điển vẫn phải nhập khẩu gần như toàn bộ các mặt hàng tiêu dùng phục vụ cuộc sống hằng ngày, trong đó đặc biệt là hàng may mặc, giày dép, chè, cà phê...

Thụy Điển là nước có truyền thống hợp tác lâu dài của Việt Nam và là một thị trường nhập khẩu đầy tiềm năng đối với các mặt hàng dệt may-da giày, đồ gỗ- nội thất, thủ công mỹ nghệ của Việt Nam.

Cơ cấu mặt hàng xuất, nhập khẩu của Việt Nam với Thụy Điển nhìn chung mang tính bổ sung cho nhau. Trong thời gian qua, quan hệ ngoại thương giữa hai nước phát triển ổn định về cả diện mặt hàng cũng như tốc độ tăng trưởng đối với từng chủng loại hàng hóa. Các mặt hàng chính của Việt Nam xuất sang thị trường Thụy Điển bao gồm: thủy hải sản; trái cây; dệt may; giày dép các loại; nguyên phụ liệu dệt may, da giày; túi xách, vali, ví, ô dù, mũ; gỗ và sản phẩm gỗ; sản phẩm mây tre, cói thảm; sản phẩm gốm sứ; sản phẩm từ chất dẻo, cao su; sản phẩm sắt thép, kim loại thường; điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử các loại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ

tùng khác; đồ chơi, dụng cụ thể thao và các bộ phận. Về nhập khẩu, Việt Nam nhập khẩu từ Thụy Điển các mặt hàng chính như: hóa chất và các sản phẩm từ dầu mỏ; dược phẩm; sản phẩm chất dẻo và chất dẻo nguyên liệu; giấy các loại; gỗ và sản phẩm gỗ; sắt thép và sản phẩm từ sắt thép; phế liệu sắt thép; điện thoại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác.

VI. Một số địa chỉ hữu ích

1. Hiệp hội của Phòng Thương mại và Công nghiệp Thụy Điển

P.O. Box 16050
103 21 Stockholm
Sweden
Tel : +46 8 555 100 00
Fax: +46 8 566316 00
E-mail: yasemin.arhan@chamber.se
Website: <http://www.cci.se/>

2. Phòng Thương mại Tây Thụy Điển (thông tin kinh doanh)

P.O. Box 5253
402 25 Göteborg
Sweden
Phone: +46 31 83 59 00
Fax: +46 31 83 59 36
E-mail: trade@west.cci.se

3. Phòng Thương mại Đông Thụy Điển (thông tin thị trường)

P.O. Box 1343
S 600 43 Norrköping
Tel: +46 11 12 91 00
Fax: +46 11 13 77 19
E-mail: info@east.cci.se

4. Hội đồng Thương mại Thụy Điển

Cơ quan này đưa ra các thông tin thương mại với Thụy Điển và có thể nhanh chóng (và miễn phí) nhận dạng nhà cung cấp thích hợp cho các nhà nhập khẩu tiềm năng dựa trên một hệ thống mở rộng trong ngành công nghiệp Thụy Điển. Hội đồng Thương mại đưa ra các lời khuyên về các dự án hiện tại và các cơ hội làm ăn, và về thực trạng chung ở Thụy Điển.

Swedish Trade Council, Box 5513, 114 85 Stockholm, Sweden
Phone: +46 8 783 85 00, Fax: +46 8 662 90 93
E-mail: infocenter@swedishtrade.se, Website: <http://www.swedishtrade.se/>

5. Bộ Thương mại

Các hoạt động của Bộ chủ yếu trong khuôn khổ của Liên minh Châu Âu và thị trường nội địa, nhưng Bộ cũng chủ trương một hệ thống thương mại đa phương mở và mạnh mẽ, tiếp tục công cuộc tự do hoá thương mại và đơn giản hoá thủ tục thương mại. Bộ cung cấp những phân tích các thông tin và chính sách thương mại Thụy Điển, ví dụ như giấy phép nhập khẩu, đồng thời trả lời miễn phí những yêu cầu thông tin.

Bộ Thương mại Quốc gia
Box 6803, 113 86 Stockholm, Sweden
Phone: +46 8 690 48 00
Fax: +46 8 30 67 59
E-mail: registrator@kommers.se

Website: <http://www.kommers.se>

6. Liên đoàn Thương mại Thụy Điển

103 29 Stockholm, Sweden

Phone: +46 8 762 77 00, Fax: +46 8 762 77 72

E-mail: info@swefedtrade.com

importcouncil@swefedtrade.com

Website: <http://www.svensktnaringsliv.se/>

7. Cơ quan Đầu tư vào Thụy Điển

Invest in Sweden Agency

Box 90, 101 21 Stockholm, Sweden, Phone: +46 8 402 78 00, Fax: +46 8 402 78 78

E-mail: isa@isa.se, Website: <http://www.isa.se>

8. Chính phủ, doanh nghiệp:

Swedish Parliament – www.riksdagen.se

Australian Embassy Stockholm – www.austemb.se

Invest in Sweden Agency - www.isa.se

Swedish Ministry for Foreign Affairs – www.utrikes.regeringen.se

Swedish Customs – www.tullverket.se

Swedish Trade Council – www.swedishtrade.se

Telia – www.telia.se

E-marketservices.com – www.emarketservices.com

Sverigedirekt – www.sverigedirekt.se

9. Các ngân hàng

Svenska Handelsbanken – www.handelsbanken.se

Merita-Nordbanken – www.nordea.se

Skandinaviska Enskilda Banken – www.seb.se

10. Giao thông:

Flygbussarna – www.flygbussarna.com

Railway Authorities – www.sj.se

Swedish National Road Association – www.vv.se

Scandinavian Airlines – www.sas.se

VII. Tài liệu tham khảo

Số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Việt Nam với Thụy Điển của Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Thông tin tổng quan về thị trường Thụy Điển có tại các website:

- www.cia.gov
- www.fco.gov.uk

Thông tin về quy định nhập khẩu vào Thụy Điển có tại:

- Info.hktdc.com
- www.export.gov
- Swedish Customs – www.tullverket.se
- Swedish Trade Council – www.swedishtrade.se

Thông tin về quan hệ ngoại giao Việt Nam – Thụy Điển trên website của Bộ Ngoại giao Việt Nam (www.mofa.gov.vn).

Trang web của Cục Xúc tiến thương mại: www.vietrade.gov.vn

Trang web của Bộ Công Thương: www.moit.gov.vn

<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/sw.html>

http://www.scb.se/templates/tableOrChart_33832.asp

<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/print/sw.html>

<http://www.sverigeturism.se/smorgasbord/>

http://www.scb.se/templates/tableOrChart_25831.asp

http://www.scb.se/templates/tableOrChart_159278.asp

http://www.scb.se/templates/tableOrChart_25891.asp



Mọi thông tin xin liên hệ:

Cục Xúc tiến thương mại

Phòng Nghiên cứu Phát triển thị trường

Địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 84.4.4.39347628, số máy lẻ 174; 193

Fax: 84.4.39348142

Email: nctt@vietrade.gov.vn

Website: <http://www.vietrade.gov.vn>